

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm
thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 đạt mục tiêu đô thị hóa 35%; UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn có liên quan và UBND huyện Yên Định xây dựng đề án thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm; thực hiện trình tự, thủ tục, tổ chức lấy ý kiến cử tri, trình HĐND các xã và HĐND huyện Yên Định thông qua theo quy định, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến chỉ đạo.

Để hoàn chỉnh hồ sơ, đề án thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm, báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định; UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, tán thành chủ trương thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định. Cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THỊ TRẤN
QUÝ LỘC VÀ THỊ TRẤN YÊN LÂM**

1. Sự cần thiết thành lập các thị trấn

Huyện Yên Định là huyện đồng bằng tiếp nối với miền núi của tỉnh Thanh Hóa, cách thành phố Thanh Hóa 25 km về phía Tây Bắc; vị trí địa lý trung tâm 20°00'31" vĩ độ Bắc, 105°37'44" kinh độ Đông; phía Đông giáp các huyện Hà Trung, Hoằng Hóa; phía Tây giáp huyện Ngọc Lặc; phía Nam giáp các huyện: Thọ Xuân, Thiệu Hóa; phía Bắc giáp các huyện: Cẩm Thủy, Vĩnh Lộc.

Là địa phương có bề dày lịch sử lâu đời, truyền thống yêu nước cách mạng và trong lao động sản xuất, được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (năm 1999), Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (năm 2010) và là huyện đầu tiên của tỉnh và khu vực Bắc Miền Trung về đích huyện nông thôn mới (năm 2015). Trong những năm gần đây, tình hình kinh tế - xã hội của huyện Yên Định đã có bước phát triển tích cực; nhiều chỉ tiêu tăng khá, đạt và vượt kế hoạch; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng cao; môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện; phát triển doanh nghiệp có nhiều khởi sắc; chính sách tái cơ cấu nông nghiệp tiếp tục có kết quả tích cực; năng suất, sản lượng, chất lượng, giá trị và hiệu quả kinh tế nhiều loại cây trồng tăng; văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; an sinh xã hội được chăm lo; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh được giữ vững; hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc

cảnh quan có nhiều thay đổi; các dự án đã và đang được đầu tư đã góp phần không nhỏ cho quá trình hình thành và phát triển đô thị.

Xã Quý Lộc và xã Yên Lâm ở phía Tây Bắc của huyện Yên Định, cách thị trấn huyện lỵ khoảng 20 km; có đường Tỉnh lộ 518 và 518B nối đường Hồ Chí Minh với Quốc lộ 45 liên kết khu vực miền Tây với khu vực đồng bằng tỉnh nên các xã có nhiều điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội, đầu mối giao thương đường bộ, đường thủy, trung tâm dịch vụ, thương mại quan trọng của vùng Tây Bắc huyện Yên Định và các huyện Vĩnh Lộc, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc; trung tâm khai thác, chế biến vật liệu xây dựng của huyện và tỉnh (xã Yên Lâm).

Phát huy những tiềm năng, lợi thế và để định hướng phát triển đô thị; Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị Quý Lộc và đô thị Yên Lâm¹ (gồm toàn bộ địa giới hành chính của các xã) với mục tiêu trở thành trung tâm dịch vụ, thương mại, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (đô thị Quý Lộc); trung tâm công nghiệp vật liệu xây dựng kết hợp dịch vụ hỗ trợ nghề đá, dịch vụ thương mại (đô thị Yên Lâm); đầu mối giao thông quan trọng, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội tiểu vùng Tây Bắc huyện Yên Định.

Quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện; cùng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư của tỉnh, của huyện, sự nỗ lực của cấp ủy, chính quyền và nhân dân nên xã Quý Lộc và xã Yên Lâm đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo tiền đề cho sự phát triển toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; đời sống vật chất tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, kết cấu hạ tầng kỹ thuật được hoàn thiện, tình hình an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững². Phát triển đô thị trên địa bàn các xã đã có nhiều thay đổi tích cực; các khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ, điểm dân cư từng bước được xây dựng; hệ thống hạ tầng ngày một hoàn thiện, tiến tới đồng bộ; đường giao thông cơ bản được rải nhựa và bê tông hóa; tuyến đường chính được chiếu sáng; tất cả các hộ gia đình đều được sử dụng điện-lưới và cơ bản được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh; rác thải được thu

¹ Quyết định số 4496/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 và Quyết định số 4873/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh.

² Tốc độ tăng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Quý Lộc năm 2019 đạt 20,26%; tổng giá trị sản xuất đạt 685,4 tỷ đồng, trong đó: ngành thương mại - dịch vụ đạt 280,1 tỷ đồng chiếm 42,02%, ngành công nghiệp - xây dựng đạt 236,6 tỷ đồng chiếm 34,53%, ngành nông nghiệp đạt 160,7 tỷ đồng chiếm 23,45%; cân đối được thu - chi ngân sách (thu ngân sách đạt 9,1 tỷ đồng, chi ngân sách 9,0 tỷ đồng); thu nhập bình quân đầu người đạt 49,5 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,49%; tỷ lệ gia đình được công nhận danh hiệu văn hóa đạt 87%; cơ quan, thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa đạt 10/10; hoàn thành phổ cập tiểu học, trung học cơ sở; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 0,47%; trẻ dưới 06 tuổi được cấp thẻ khám chữa bệnh đạt 100%; người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 85%.

Tốc độ tăng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Yên Lâm năm 2019 đạt 21,41%; tổng giá trị sản xuất đạt 1.015,4 tỷ đồng, trong đó: ngành thương mại - dịch vụ đạt 233,306 tỷ đồng chiếm 22,79%, ngành công nghiệp - xây dựng đạt 628,499 tỷ đồng chiếm 62,69%, ngành nông nghiệp đạt 153,58 tỷ đồng chiếm 14,52%; cân đối được thu - chi ngân sách (thu ngân sách đạt 16,98 tỷ đồng, chi ngân sách 16,35 tỷ đồng); thu nhập bình quân đầu người đạt 68,23 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,48%; tỷ lệ gia đình được công nhận danh hiệu văn hóa đạt 95%; cơ quan, thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa đạt 100%; hoàn thành phổ cập tiểu học, trung học cơ sở; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 0,97%; trẻ dưới 06 tuổi được cấp thẻ khám chữa bệnh đạt 100%; người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,88%.

gom và xử lý; góp phần đưa xã Quý Lộc và xã Yên Lâm đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V³.

Những thay đổi về kinh tế - xã hội, quá trình phát triển dịch vụ, thương mại và đô thị hóa đã làm thay đổi quá trình tổ chức dân cư theo hướng tập trung với mật độ cao, hình thành lõi sống đô thị trong nhân dân; tổ chức sản xuất có sự chuyên môn hóa, lao động dịch chuyển từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp; công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, quy hoạch, xây dựng, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự, bảo vệ môi trường... của chính quyền nông thôn hiện nay gặp nhiều khó khăn; cần phải có chính quyền đô thị với cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp để thay thế cho chính quyền nông thôn như hiện nay. Vì vậy, thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã là tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, nhằm đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn; không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế; góp phần đảm bảo tiêu chuẩn của đơn vị hành chính theo quy định.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn thành lập thị trấn

2.1. Điều kiện thành lập thị trấn:

Thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm đã bảo đảm các điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; cụ thể: (1) Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị; (2) Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương; phát huy, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; (3) Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; (4) Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương; tạo sự thuận tiện cho nhân dân.

2.2. Tiêu chuẩn thành lập thị trấn:

Thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm đạt đủ 04/04 tiêu chuẩn thành lập thị trấn thuộc huyện theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (chi tiết tại bảng tổng hợp kèm theo).

II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN QUÝ LỘC VÀ THỊ TRẤN YÊN LÂM THUỘC HUYỆN YÊN ĐỊNH

1. Phương án thành lập các thị trấn

1.1. Phương án thành lập thị trấn Quý Lộc:

Thành lập thị trấn Quý Lộc trên cơ sở nguyên trạng 13,56 km² diện tích tự nhiên và dân số 15.008 người của xã Quý Lộc.

Địa giới hành chính: Phía Đông giáp huyện Vĩnh Lộc; phía Tây giáp thị trấn Yên Lâm; phía Nam giáp xã Yên Thọ; phía Bắc giáp huyện Cẩm Thủy.

³ Quyết định số 4656/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 và Quyết định số 4901/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh.

1.2. Phương án thành lập thị trấn Yên Lâm:

Thành lập thị trấn Yên Lâm trên cơ sở nguyên trạng 17,25 km² diện tích tự nhiên và dân số 8.683 người của xã Yên Lâm.

Địa giới hành chính: Phía Đông giáp thị trấn Quý Lộc và xã Yên Thọ; phía Tây giáp thị trấn Thống Nhất và huyện Ngọc Lặc; phía Nam giáp xã Yên Tâm; phía Bắc giáp huyện Cẩm Thủy.

2. Sau khi thành lập các thị trấn, huyện Yên Định có 26 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 22 xã: Yên Phú, Yên Trường, Yên Thọ, Yên Thịnh, Yên Tâm, Yên Trung, Yên Hùng, Yên Thái, Yên Ninh, Yên Lạc, Yên Phong, Định Tăng, Định Hưng, Định Hải, Định Tân, Định Bình, Định Hòa, Định Tiến, Định Thành, Định Công, Định Liên, Định Long và 04 thị trấn: Quán Lào, Thống Nhất, Quý Lộc, Yên Lâm (tăng 02 thị trấn, giảm 02 xã).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi HĐND tỉnh tán thành chủ trương thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định, UBND tỉnh sẽ hoàn chỉnh hồ sơ đề án, báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

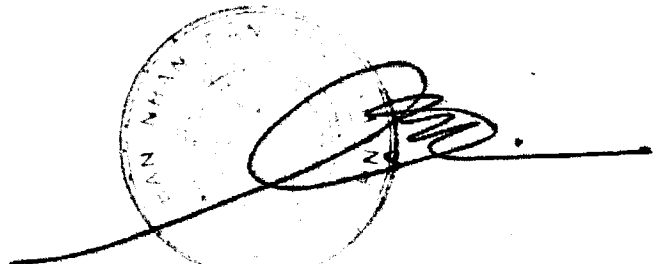
(có hồ sơ Đề án và dự thảo Nghị quyết kèm theo).

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Nguyễn Đức Quyền

BẢNG TỔNG HỢP

Tiêu chuẩn thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định theo Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Kèm theo Tờ trình số *TT* /TTr-UBND ngày *17* tháng *9* năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tiêu chuẩn	Quy định tại Nghị quyết số 1211	Xã Quý Lộc	Xã Yên Lâm	Đánh giá
1	Quy mô dân số (người)	8.000	15.008 người	8.683 người	Đạt
2	Diện tích tự nhiên (km ²)	14	⁴ 13,56 km ²	17,25 km ²	Đạt
3	Được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V	Loại IV, V	Loại V	Loại V	Đạt
4	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế				
-	Thu chi ngân sách	Cân đối	Tự cân đối (Thu 9,1 tỷ đồng, chi 9,0 tỷ đồng)	Tự cân đối (Thu 16,98 tỷ đồng, chi 16,35 tỷ đồng)	Đạt
-	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất(%)	Bằng hoặc thấp hơn trung bình của huyện (3,53%)	3,04%	3,47%	Đạt
-	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%)	Từ 65% trở lên	68% (6.028/8.898 lao động)	81,8% (3.767/4.605 lao động)	Đạt

⁴ Xã Quý Lộc chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích (quy định từ 14 km²); tuy nhiên điểm c khoản 2 Điều 31 của Nghị quyết 1211 quy định việc thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở một đơn vị hành chính cùng cấp mà không làm tăng đơn vị hành chính thì không áp dụng tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên. Đánh giá: Đạt.

Số: /NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc tán thành chủ trương thành lập
thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 54/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về hướng dẫn lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2020 về việc thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định; của Ban Pháp chế tại Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2020 thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc tán thành chủ trương thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành chủ trương thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Thành lập thị trấn Quý Lộc trên cơ sở nguyên trạng 13,56 km² diện tích tự nhiên và dân số 15.008 người của xã Quý Lộc.

Địa giới hành chính thị trấn Quý Lộc: Phía Đông giáp huyện Vĩnh Lộc; phía Tây giáp thị trấn Yên Lâm; phía Nam giáp xã Yên Thọ; phía Bắc giáp huyện Cẩm Thủy.

2. Thành lập thị trấn Yên Lâm trên cơ sở nguyên trạng 17,25 km² diện tích tự nhiên và dân số 8.683 người của xã Yên Lâm.

Địa giới hành chính thị trấn Yên Lâm: Phía Đông giáp thị trấn Quý Lộc và xã Yên Thọ; phía Tây giáp thị trấn Thống Nhất và huyện Ngọc Lặc; phía Nam giáp xã Yên Tâm; phía Bắc giáp huyện Cẩm Thủy.

Sau khi thành lập các thị trấn, huyện Yên Định có 26 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 22 xã: Yên Phú, Yên Trường, Yên Thọ, Yên Thịnh, Yên Tâm, Yên Trung, Yên Hùng, Yên Thái, Yên Ninh, Yên Lạc, Yên Phong, Định Tăng, Định Hưng, Định Hải, Định Tân, Định Bình, Định Hòa, Định Tiến, Định Thành, Định Công, Định Liên, Định Long và 04 thị trấn: Quán Lào, Thống Nhất, Quý Lộc, Yên Lâm (tăng 02 thị trấn, giảm 02 xã).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, hoàn chỉnh hồ sơ, đề án thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khoá XVII, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày ... tháng ... năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện Yên Định;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

Số: 564 /BCTĐ-STP

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết về việc tán thành chủ trương thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Sở Nội Vụ Thanh Hóa

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 498/SNV-XDCQ&CTTN ngày 22/03/2020 của Sở Nội vụ về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết về việc tán thành chủ trương thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, căn cứ quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có báo cáo thẩm định như sau:

1. Thẩm quyền ban hành văn bản:

Theo quy định tại khoản 3, Điều 133 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền thông qua đề nghị thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính trước khi được gửi đến Bộ Nội vụ để tổng hợp chung, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền quyết định. Do vậy, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về việc tán thành chủ trương thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa là phù hợp và đúng thẩm quyền.

2. Nội dung văn bản:

- Khoản 1, Điều 1 dự thảo quy định “Thành lập các thị trấn thuộc huyện Yên Định”, đề nghị bỏ, bởi đã được quy định tại tiêu đề của Điều 1.

- Điểm 1.1, khoản 1, Điều 1 dự thảo quy định:

“1.1. Thành lập thị trấn Quý Lộc:

Thành lập thị trấn Quý lộc trên cơ sở nguyên trạng 13,56 km², diện tích tự nhiên và dân số 15.008 người của xã Quý Lộc.

Địa giới hành chính thị trấn Quý Lộc...huyện Cẩm Thủy”.

Đề nghị sửa lại thành:

“1. Thành lập thị trấn Quý lộc trên cơ sở nguyên trạng 13,56 km², diện tích tự nhiên và dân số 15.008 người của xã Quý Lộc.

Địa giới hành chính thị trấn Quý Lộc: Phía Đông giáp huyện Vĩnh Lộc...huyện Cẩm Thủy”.

- Điểm 1.2, Điều 1 dự thảo quy định:

“1.2. Thành lập thị trấn Yên Lâm:

Thành lập thị trấn Yên Lâm trên cơ sở nguyên trạng 17,25 km² diện tích tự nhiên và dân số 8.683 người của xã Yên Lâm.

Địa giới hành chính thị trấn Yên Lâm: Phía Đông giáp thị trấn Quý Lộc và xã Yên Thọ... huyện Cẩm Thủy”.

Đề nghị sửa lại thành:

“2. Thành lập thị trấn Yên Lâm trên cơ sở nguyên trạng 17,25 km² diện tích tự nhiên và dân số 8.683 người của xã Yên Lâm.

Địa giới hành chính thị trấn Yên Lâm: Phía Đông giáp thị trấn Quý Lộc và xã Yên Thọ... huyện Cẩm Thủy”.

Như vậy, mới phù hợp.

3. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản:

Dự thảo Nghị quyết bảo đảm về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của pháp luật.

4. Ý kiến của cơ quan thẩm định:

Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa lại dự thảo văn bản theo ý kiến nêu trên của Sở Tư pháp trước khi trình HĐND tỉnh ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ phụ trách;
- Lưu VT, XDVB.

GIÁM ĐỐC



Bùi Đình Sơn

Số: 149 /BC-UBND

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri và kết quả biểu quyết của HĐND các cấp đối với việc thành lập thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết của HĐND các đơn vị hành chính có liên quan đến việc thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thực hiện Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 đạt mục tiêu đô thị hóa 35%; UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ, UBND huyện Yên Định và đơn vị liên quan tiến hành rà soát, tham mưu xây dựng đề án thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm. Nội dung, bố cục của đề án đã đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

2. Đề án, tóm tắt đề án, phương án, mẫu phiếu lấy ý kiến cử tri sau khi được hoàn chỉnh đã được UBND tỉnh chuyển đến UBND huyện Yên Định (Công văn số 5712/UBND-THKH ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh) để chỉ đạo, hướng dẫn các xã tổ chức lấy ý kiến cử tri theo Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính.

3. UBND huyện Yên Định đã xây dựng kế hoạch lấy ý kiến cử tri; thành lập các tổ công tác; thông tin, tuyên truyền, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ công tác lấy ý kiến cử tri cho cán bộ, công chức của các xã, các thôn và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức lấy ý kiến cử tri.

4. UBND xã Quý Lộc và xã Yên Lâm hoàn thành việc lập danh sách cử tri theo địa bàn các thôn xong trước ngày 01/4/2020. Danh sách cử tri được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các thôn và thường xuyên thông tin trên hệ thống đài truyền thanh; thời gian niêm yết đảm bảo đủ 30 ngày.

Trên cơ sở đề án, tóm tắt đề án, phương án, mẫu phiếu lấy ý kiến cử tri được gửi đến; UBND các xã đã chỉ đạo các thôn tổ chức thông tin, tuyên truyền về quan điểm, mục tiêu, vai trò, ý nghĩa, sự cần thiết của việc thành lập các thị trấn; công khai nội dung đề án để nhân dân biết và tham gia ý kiến; danh sách cử tri; quyền của cử tri; thời gian, địa điểm, hình thức lấy ý kiến cử tri.

5. Từ ngày 08 đến ngày 13/5/2020, các xã đã hoàn thành việc lấy ý kiến cử tri; theo đó, phương án thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm đều được cử tri đồng thuận, thống nhất cao. Tỷ lệ cử tri tham gia ý kiến đạt từ 87% trở lên; tỷ lệ cử tri đồng ý với phương án thành lập thị trấn đạt từ 87% trở lên.

6. Căn cứ kết quả thống nhất của cử tri; đề án, phương án đã được trình đến HĐND các xã và HĐND huyện Yên Định thảo luận, biểu quyết tán thành chủ trương thành lập thị trấn đạt 100% so với số đại biểu tham dự kỳ họp.

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI VÀ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CỦA HĐND CÁC XÃ VÀ HĐND HUYỆN YÊN ĐỊNH

1. Kết quả lấy ý kiến cử tri và kết quả biểu quyết của HĐND các xã Quý Lộc và Yên Lâm (Phụ lục số 01).

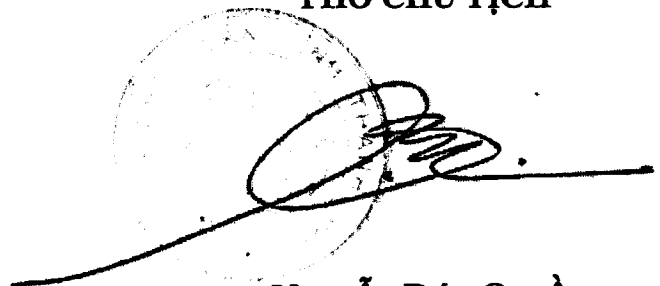
2. Kết quả biểu quyết của HĐND huyện Yên Định (Phụ lục số 02).

Trên đây là tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết của HĐND các đơn vị hành chính có liên quan đến việc thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định; UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ; Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

TỔNG HỢP

**Kết quả lấy ý kiến cử tri và kết quả biểu quyết của HĐND các xã
về nội dung thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định**
(Kèm theo Báo cáo số: 149 /BC-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên đơn vị hành chính	Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri							Tổng hợp kết quả biểu quyết của HĐND các xã							Ghi chú
		Số cử tri	Cử tri tham gia bỏ phiếu		Cử tri đồng ý		Cử tri không đồng ý		Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết				
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Xã Quý Lộc	8.871	7.759	87,5	7.758	87,45	01	0,01	29	29	100	29	100	0	0	
2	Xã Yên Lâm	4.985	4.492	90,1	4.361	87,48	131	2,62	27	27	100	27	100	0	0	

TỔNG HỢP**Kết quả biểu quyết của HĐND huyện Yên Định đối với việc thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm***(Kèm theo Báo cáo số: 149 /BC-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

		Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết				Ghi chú
		Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	HĐND huyện Yên Định	36	33	91,67	33	91,67	0	0	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 9 năm 2020

ĐỀ ÁN

Thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định
(Kèm theo Tờ trình số: 141 /TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Phần thứ nhất

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;
2. Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị;
3. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;
4. Nghị định số 54/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về hướng dẫn lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;
5. Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;
6. Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;
7. Quyết định số 4496/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chung đô thị Quý Lộc, huyện Yên Định đến năm 2025;
8. Quyết định số 4656/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh công nhận xã Quý Lộc thuộc huyện Yên Định đạt tiêu chuẩn đô thị loại V;
9. Quyết định số 4873/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chung đô thị Yên Lâm, huyện Yên Định đến năm 2030;
10. Quyết định số 4901/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh công nhận xã Yên Lâm thuộc huyện Yên Định đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THỊ TRẤN QUÝ LỘC VÀ THỊ TRẤN YÊN LÂM

1. Sự cần thiết thành lập thị trấn Quý Lộc

Xã Quý Lộc ở phía Tây Bắc của huyện Yên Định, cách thị trấn huyện lỵ khoảng 23 km; địa bàn xã có đường Tỉnh lộ 518 và 518B nối đường Hồ Chí Minh với Quốc lộ 45 liên kết khu vực miền Tây với khu vực đồng bằng tỉnh Thanh Hóa; sông Mã ở phía Đông nên xã Quý Lộc có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, đầu mối giao thương đường bộ, đường thủy, trung tâm dịch vụ, thương mại quan trọng của vùng Tây Bắc huyện Yên Định và các huyện Vĩnh Lộc, Cẩm Thủy. Xã Quý Lộc được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 2003, danh hiệu Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới năm 2005, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2013 (một trong những xã đầu tiên của huyện và tỉnh được công nhận).

Phát huy những tiềm năng, lợi thế và đề định hướng cho phát triển đô thị; năm 2016, Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị Quý Lộc (bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã) với mục tiêu trở thành trung tâm dịch vụ, thương mại, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc, huyện Yên Định; Quy hoạch kinh tế - xã hội và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Yên Định nhiệm kỳ 2015 - 2020 cũng xác định và đề ra các chương trình, giải pháp phát triển đô thị Quý Lộc với động lực phát triển là dịch vụ, thương mại, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Có thể thấy, sau gần 5 năm thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và nghị quyết đại hội đảng bộ huyện; cùng với sự quan tâm lãnh-đạo, chỉ đạo và-đầu tư của tỉnh, của huyện, sự nỗ lực của cấp ủy, chính quyền và nhân dân nên xã Quý Lộc đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo tiền đề cho sự phát triển toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; đời sống vật chất tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, kết cấu hạ tầng kỹ thuật được hoàn thiện, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững. Theo đó, năm 2019, tốc độ tăng giá trị sản xuất trên địa bàn đạt 20,26%; tổng giá trị sản xuất đạt 685,4 tỷ đồng, trong đó: ngành thương mại - dịch vụ đạt 280,1 tỷ đồng, chiếm 42,02%, ngành công nghiệp - xây dựng đạt 236,6 tỷ đồng, chiếm 34,53%, ngành nông nghiệp đạt 160,7 tỷ đồng, chiếm 23,45%; cân đối được thu - chi ngân sách (thu ngân sách đạt 9,1 tỷ đồng, chi ngân sách 9,0 tỷ đồng); thu nhập bình quân đầu người đạt 49,5 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,49%; tỷ lệ gia đình được công nhận danh hiệu văn hóa đạt 87%; cơ quan, thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa đạt 10/10 thôn; hoàn thành phổ cập tiểu học, trung học cơ sở; tỷ lệ tăng dân số tự

nhiên giảm còn 0,47%; trẻ em dưới 06 tuổi được cấp thẻ khám chữa bệnh đạt 100%; người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 85%.

Phát triển đô thị trên địa bàn xã Quý Lộc đã có nhiều thay đổi tích cực; các khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ, điểm dân cư từng bước được xây dựng; hệ thống hạ tầng ngày một hoàn thiện, tiến tới đồng bộ; đường giao thông cơ bản được rải nhựa và bê tông hóa; tất cả các hộ gia đình đều được sử dụng điện lưới; tuyến đường chính được chiếu sáng; các hộ dân cơ bản được sử dụng nước sạch, hộp vệ sinh; rác thải được thu gom và xử lý; góp phần đưa xã Quý Lộc đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V theo Quyết định số 4656/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh.

Những thay đổi về kinh tế - xã hội, quá trình phát triển dịch vụ, thương mại và đô thị hoá đã làm thay đổi quá trình tổ chức dân cư theo hướng tập trung với mật độ cao, hình thành lõi sống đô thị trong nhân dân; tổ chức sản xuất có sự chuyên môn hóa, lao động dịch chuyển từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp; công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, quy hoạch, xây dựng, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự, bảo vệ môi trường... của chính quyền nông thôn hiện nay gặp nhiều khó khăn; cần phải có chính quyền đô thị với cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp để thay thế cho chính quyền nông thôn như hiện nay. Vì vậy, thành lập thị trấn Quý Lộc trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã là tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, nhằm đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn; không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế; góp phần đảm bảo tiêu chuẩn của đơn vị hành chính theo quy định.

2. Sự cần thiết thành lập thị trấn Yên Lâm

Xã Yên Lâm ở phía Tây Bắc của huyện Yên Định, cách thị trấn huyện lỵ khoảng 22 km; là xã miền núi duy nhất của huyện Yên Định, có địa hình thuộc vùng bán sơn địa, tiếp giáp với 02 huyện Cẩm Thủy, Ngọc Lặc; có đường Tỉnh lộ 518 liên kết khu vực miền Tây với khu vực đồng bằng tỉnh Thanh Hóa, nên xã Yên Lâm có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, đầu mối giao thương, trung tâm dịch vụ, thương mại quan trọng của vùng Tây Bắc huyện Yên Định và các huyện Ngọc Lặc, Cẩm Thủy.

Là địa phương có trữ lượng đá granit lớn nên ở xã Yên Lâm đã hình thành, tập trung và duy trì các cơ sở khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng qua nhiều thời kỳ, làm tiền đề cho phát triển công nghiệp tại địa phương; qua đó, đã và đang góp phần đưa xã Yên Lâm trở thành trung tâm khai thác - chế biến vật liệu xây dựng lớn nhất của huyện Yên Định và tỉnh Thanh Hóa.

Phát huy những tiềm năng, lợi thế và đề định hướng phát triển đô thị; năm 2017, Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị Yên Lâm (bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã) với mục tiêu trở thành trung tâm công nghiệp (vật liệu xây dựng) kết hợp dịch vụ hỗ trợ nghề đá, dịch vụ thương mại đầu mối giao thông quan trọng, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội tiểu vùng Tây Bắc - huyện Yên Định. Sau gần 5 năm thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ huyện, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và 3 năm thực hiện quy hoạch đô thị, cùng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư của tỉnh, của huyện, sự nỗ lực của cấp ủy, chính quyền và nhân dân nên xã Yên Lâm đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo tiền đề cho sự phát triển toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; đời sống vật chất tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, kết cấu hạ tầng kỹ thuật được hoàn thiện, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững.

Năm 2019, tốc độ tăng giá trị sản xuất trên địa bàn đạt 21,41%; tổng giá trị sản xuất đạt 1.015,4 tỷ đồng, trong đó: ngành thương mại - dịch vụ đạt 233,306 tỷ đồng, chiếm 22,79%, ngành công nghiệp - xây dựng đạt 628,499 tỷ đồng, chiếm 62,69%, ngành nông nghiệp đạt 153,58 tỷ đồng, chiếm 14,52%; cân đối được thu - chi ngân sách (thu ngân sách đạt 16,98 tỷ đồng, chi ngân sách 16,35 tỷ đồng); thu nhập bình quân đầu người đạt 68,23 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,48%; tỷ lệ gia đình được công nhận danh hiệu văn hóa đạt 95%; cơ quan, thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa đạt 100%; hoàn thành phổ cập tiểu học, trung học cơ sở; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 0,97%; trẻ em dưới 06 tuổi được cấp thẻ khám chữa bệnh đạt 100%; người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,88%. Phát triển đô thị trên địa bàn xã Yên Lâm đã có nhiều thay đổi tích cực; các khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ, điểm dân cư từng bước được xây dựng; hệ thống hạ tầng ngày một hoàn thiện, tiến tới đồng bộ; đường giao thông cơ bản được rải nhựa và bê tông hóa; tất cả các hộ gia đình đều được sử dụng điện lưới; tuyến đường chính được chiếu sáng; các hộ dân cơ bản được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh; rác thải được thu gom và xử lý; góp phần đưa xã Yên Lâm đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V theo Quyết định số 4901/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh.

Những thay đổi về kinh tế - xã hội, quá trình phát triển dịch vụ, thương mại và đô thị hoá đã làm thay đổi quá trình tổ chức dân cư theo hướng tập trung với mật độ cao, hình thành lối sống đô thị trong nhân dân; tổ chức sản xuất có sự chuyên môn hóa, lao động dịch chuyển từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp; công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, quy hoạch, xây dựng, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự, bảo vệ môi trường... của chính quyền nông thôn hiện nay gặp

nhieu khó khăn; cần phải có chính quyền đô thị với cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp để thay thế cho chính quyền nông thôn như hiện nay. Vì vậy, thành lập thị trấn Yên Lâm trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã là tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, nhằm đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn; không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế; góp phần đảm bảo tiêu chuẩn của đơn vị hành chính theo quy định.

Phần thứ hai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN

1. Huyện Yên Định

Huyện Yên Định là huyện đồng bằng tiếp nối với miền núi của tỉnh Thanh Hóa, cách thành phố Thanh Hóa 25 km về phía Tây Bắc; vị trí địa lý trung tâm 20°00'31" vĩ độ Bắc, 105°37'44" kinh độ Đông; phía Đông giáp các huyện Hà Trung, Hoằng Hóa; phía Tây giáp huyện Ngọc Lặc; phía Nam giáp các huyện: Thọ Xuân, Thiệu Hóa; phía Bắc giáp các huyện: Cẩm Thủy, Vĩnh Lộc.

Là địa phương có truyền thống lịch sử lâu đời, gần hai ngàn năm trước đây là vùng đất tạo nên các huyện Tư Phố, Vô Biên thuộc quận Cửu Chân, sau đó đổi tên là các huyện Quan An, Ninh Dục. Thời Đường hợp lại thành huyện Quân Ninh. Đến thời Đại Việt tự chủ, huyện được gọi là An Định rồi Yên Định. Đến thời Nguyễn, Yên Định được chia thành 8 tổng do 105 xã, thôn, trang; trong đó tổng Bái Châu (16 xã), Đông Lý (24 xã), Trịnh Xá (12 xã), Hải Quật (11 xã), Đan Nê (16 xã), Yên Định (9-xã), Đa Lộc (10-xã), Khoái Lạc (7 xã). Đầu năm 1945, cá sách Quan Trì, Hạc Cao, Điền Hoạch, Phú Mỹ và 2 thôn Phác, Biện thuộc tổng Quan Hoàng, huyện Cẩm Thủy chuyển về Yên Định.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, huyện Yên Định có 12 xã, trong đó 6 xã được bắt đầu bằng chữ Yên (Phong, Phú, Ninh, Tho, Khang, Quý) và 6 xã bắt đầu bằng chữ Định (Hòa, Thành, Tân, Hưng, Long, Tường). Giai đoạn từ 1949 - 1950, 12 xã tách thành 14 xã. Thực hiện chính sách giảm tô trong giai đoạn từ 1953-1954, huyện được chia thành 28 xã. Năm 1976, Yên Định còn 27 xã, do việc hai xã Yên Quý và Yên Lộc nhập lại thành xã Quý Lộc. Năm 1977, 15 xã vùng tả ngạn sông Chu của huyện Thiệu Hóa nhập vào huyện Yên Định theo Quyết định số 177/CP của Hội đồng Chính phủ lấy tên là huyện Thiệu Yên, gồm 42 xã chia thành ba vùng là Thiệu, Yên, Định; huyện lỵ đặt tại Kiều (xã Yên Trường). Năm 1986, huyện lỵ Thiệu Yên di chuyển về Quán Lào (Định Tường) và đến năm 1988 thành lập với tên gọi là thị trấn Thiệu Yên, sau đó đổi

tên thành thị trấn Quán Lào. Tháng 11/1996, sau khi tái lập huyện Thiệu Hóa theo Nghị định số 72/CP ngày 18/11/1996 của Chính phủ, huyện Yên Định có 27 xã, 02 thị trấn Quán Lào và thị trấn Nông trường Thống Nhất. Năm 2009, thành lập thị trấn Thống Nhất trên cơ sở thị trấn Nông trường Thống Nhất theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ. Tháng 10/2019, nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Yên Giang vào xã Yên Phú, xã Yên Bái vào xã Yên Trường, xã Định Tường vào thị trấn Quán Lào theo Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hiện nay, huyện Yên Định có diện tích tự nhiên 228,83 km², dân số 165.830 người, 26 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 24 xã và 02 thị trấn.

Trong những năm gần đây, tình hình kinh tế - xã hội của huyện Yên Định có bước phát triển tích cực; nhiều chỉ tiêu tăng khá, đạt và vượt kế hoạch; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng cao so với dự toán được giao; môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện; phát triển doanh nghiệp có nhiều khởi sắc; hoạt động du lịch diễn ra sôi động; chính sách tái cơ cấu nông nghiệp tiếp tục có kết quả tích cực; năng suất, sản lượng, chất lượng, giá trị và hiệu quả kinh tế nhiều loại cây trồng tăng; văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; an sinh xã hội được chăm lo; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh được giữ vững; hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan có nhiều thay đổi; các dự án đã và đang được đầu tư đã góp phần không nhỏ cho quá trình hình thành và phát triển đô thị. Cụ thể một số chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của huyện Yên Định như sau:

1.1. Chỉ tiêu về kinh tế:

- Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất trên địa bàn: 20,22 %.
- Tổng giá trị sản xuất: 9.526,3 tỷ đồng:
 - + Nông nghiệp: 3.135,4 tỷ đồng;
 - + Công nghiệp, xây dựng: 3.142,5 tỷ đồng;
 - + Dịch vụ, thương mại: 3.248,4 tỷ đồng.
- Cơ cấu tổng giá trị các ngành sản xuất:
 - + Nông nghiệp: 28,15%;
 - + Công nghiệp, xây dựng: 34,57%;
 - + Dịch vụ, thương mại: 37,28%.
- Vốn đầu tư phát triển: 2.083,4 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân đầu người: 41,57 triệu đồng/người/năm.

- Thu ngân sách: 1.147,5 tỷ đồng.
- Chi ngân sách: 1.068,1 tỷ đồng.
- Số doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh): 572 doanh nghiệp.
- Tỷ lệ hộ nghèo: 1,52%.

1.2. Chi tiêu xã hội:

- Giáo dục:

- + Số trường học: 93 trường;
- + Số trường đạt chuẩn quốc gia: 77 trường;
- + Số học sinh: 36.173 học sinh;
- + Tỷ lệ phổ cập Tiểu học: 100%;
- + Tỷ lệ phổ cập Trung học cơ sở: 100%;
- + Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THPT: 99,84%;
- + Tỷ lệ trẻ đến trường đúng tuổi: 100%.

- Dân số - y tế:

- + Số cơ sở y tế trên địa bàn: 74 cơ sở;
- + Số giường bệnh/1 vạn dân: 24,5 giường;
- + Số bác sĩ/1 vạn dân: 6,5 người;
- + Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 0,575%;
- + Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng: 7,8%;
- + Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 86,5%.

- Văn hóa - xã hội:

- + Số nhà văn hóa - khu thể thao: 149 nhà văn hóa;
- + Tỷ lệ khai trương làng, cơ quan, đơn vị văn hóa: 100%;
- + Tỷ lệ thôn, cơ quan đạt danh hiệu văn hóa: 100%;
- + Tỷ lệ gia đình văn hóa: 87,5%;
- + Tỷ lệ gia đình thể thao: 33,5%
- + Số lao động tạo việc làm trong năm: 4.580 lao động;
- + Số lao động đã qua đào tạo nghề trong năm: 2.871 lao động.

1.3. Chi tiêu cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

- Nhà ở:

- + Tổng diện tích sàn nhà ở: 3.780.924 m²;
- + Bình quân diện tích sàn nhà trên người dân: 22,8 m²/người;
- + Tỷ lệ nhà ở kiên cố: 95,6%.
- Công trình thương mại, dịch vụ (chợ, siêu thị): 34 công trình.
- Giao thông:
 - + Số km đường giao thông: 1.521 km;
 - + Diện tích đất giao thông: 2.576 ha;
 - + Tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa: 98%;
 - + Số lượng phương tiện vận tải công cộng: 62 phương tiện;
 - + Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: 3%.
- Cấp điện và chiếu sáng công cộng:
 - + Tổng công suất cấp điện: 166.015.484 kw;
 - + Chi tiêu cấp điện sinh hoạt: 553,24 kw/người/năm;
 - + Tỷ lệ đường chính được chiếu sáng: 30%;
 - + Tỷ lệ hộ gia đình dùng điện: 100%.
- Cấp nước:
 - + Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt đạt bình quân: 16,8 lít/người/ngày đêm;
 - + Tỷ lệ hộ được dùng nước sạch, hợp vệ sinh: 100%.
- Vệ sinh môi trường:
 - + Tổng lượng chất thải sinh hoạt và công nghiệp: 226.000 kg/ngày đêm;
 - + Tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý hợp vệ sinh: 87,0%.

2. Xã Quý Lộc

2.1. Lịch sử hình thành:

Yên Định đến thời Nguyễn được chia thành 8 tổng do 105 xã, thôn, trang hợp thành: Tổng Bái Châu (16 xã), Đông Lý (24 xã), Trịnh Xá (12 xã), Hải Quật (11 xã), Đan Nê (16 xã), Yên Định (9 xã), Đa Lộc (10 xã), Khoái Lạc (7 xã). Đầu năm 1945, huyện Cẩm Thủy cắt sang Yên Định 4 sách (Quan Trì, Hạc Cao, Điền Hoạch, Phú Mỹ) và 2 thôn (Phác, Biện) vốn thuộc tổng Quan Hoàng.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Yên Định có 12 xã, trong đó 6 xã được bắt đầu bằng chữ Yên (Phong, Phú, Ninh, Tho, Khang, Quý) và 6 xã bắt đầu bằng chữ Định (Hòa, Thành, Tân, Hưng, Long, Tường). Giai đoạn 1949-

1950, 12 xã trên tách thành 14 xã. Khi thực hiện chính sách giảm tô (1953-1954), huyện được chia thành 28 xã. Năm 1976, Yên Định còn 27 xã, do việc hai xã vùng Yên (Yên Quý và Yên Lộc) nhập lại thành xã Quý Lộc.

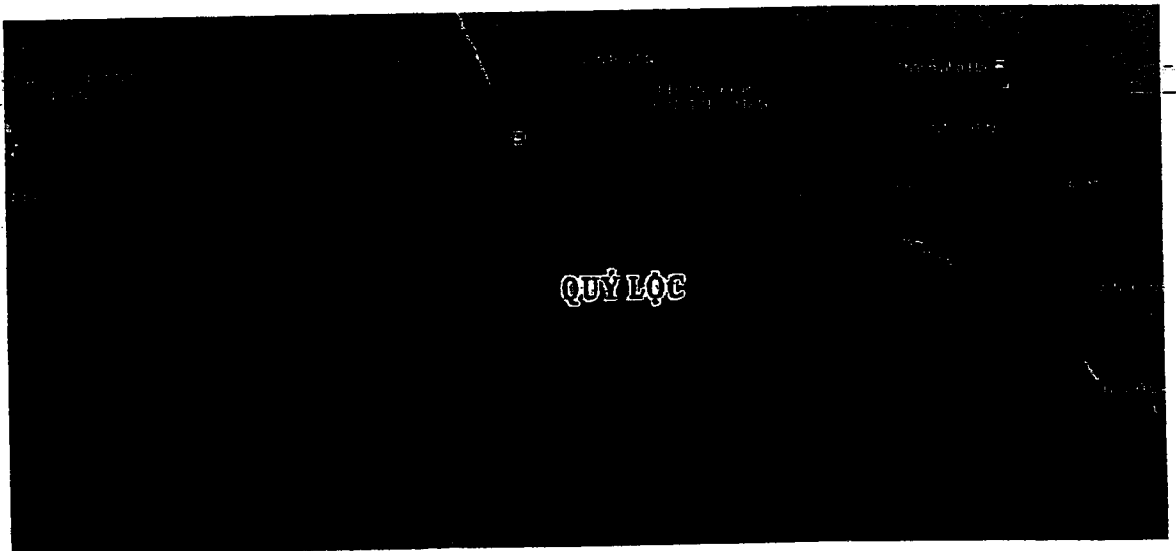
Với truyền thống anh hùng trong chiến đấu (Năm 2003 Quý Lộc vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân), anh hùng trong thời kỳ đổi mới (Năm 2005 Quý Lộc được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới), phát huy thành tựu trong công cuộc đổi mới, Đảng bộ, nhân dân xã Quý Lộc tiếp tục nêu cao truyền thống đoàn kết, chủ động sáng tạo, phát huy nội lực, cùng với sự ủng hộ của Chính Phủ nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển KT - XH của địa phương.

Ngày 21/11/2016, UBND tỉnh Thanh Hóa có Quyết định số 4496/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị Quý Lộc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 định hướng phát triển đô thị với vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc huyện Yên Định.

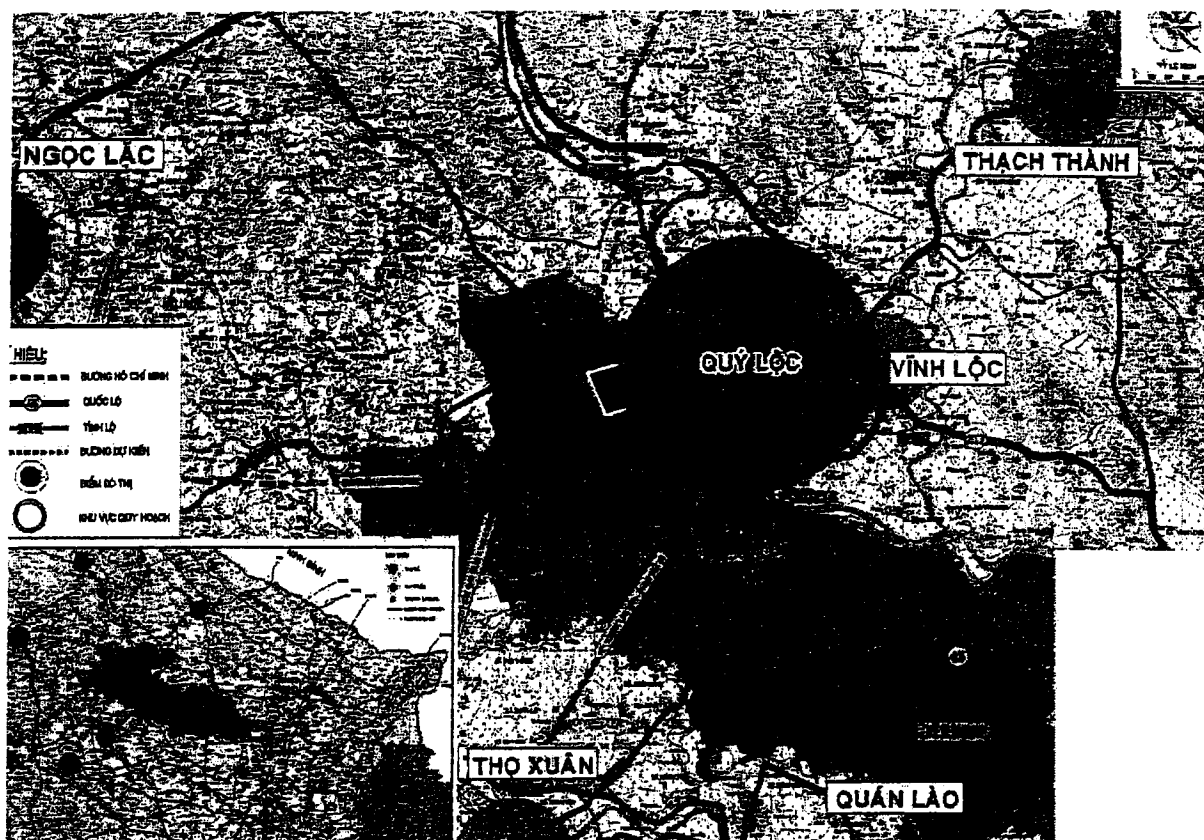
2.2. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên:

2.2.1. Vị trí địa lý xã Quý Lộc:

- Phía Đông giáp huyện Vĩnh Lộc;
- Phía Tây giáp xã Yên Lâm;
- Phía Nam giáp xã Yên Thọ;
- Phía Bắc giáp huyện Cẩm Thủy;



Xã Quý Lộc có đường Tỉnh lộ 518 và 518B kết nối với đường Hồ Chí Minh, liên hệ khu vực miền núi phía Tây với khu vực đồng bằng của tỉnh Thanh Hóa, kết nối với QL45 liên hệ với thị trấn Vĩnh Lộc, thị trấn Kim Tân, thị trấn Quán Lào, đô thị Kiều...



Sơ đồ vị trí khu vực

2.2.2. Tính chất, vai trò:

Theo Quyết định số 4496/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị Quý Lộc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, xác định tính chất đô thị là trung tâm dịch vụ, thương mại, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; là đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc huyện Yên Định.

2.2.3. Đặc điểm điều kiện tự nhiên:

a) Đặc điểm địa hình:

Xã Quý Lộc có địa hình tương đối bằng phẳng, nằm nghiêng dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam, cơ bản là bình địa, có độ dốc thấp cốt cao độ từ 10,5m – 14,7m. Trong khu vực có dãy núi đá hiện đang được khai thác vật liệu xây dựng và các đồi đất thấp hiện đang được sử dụng trồng cây nông nghiệp kết hợp chăn nuôi gia súc là chủ yếu.

b) Đặc điểm khí hậu:

Xã Quý Lộc thuộc vùng trung du nhưng tiếp giáp với khu vực miền xuôi và miền núi của tỉnh Thanh Hoá và là giao điểm của 3 huyện Vĩnh Lộc, Cẩm Thủy và Yên Định nên có đặc điểm của vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ không khí trung bình cả năm là 23,7°C. Tổng số ngày mưa trong năm là 118

ngày. Lượng mưa trung bình năm: 1.600 - 1.684 mm, lượng mưa lớn nhất là 2.854 mm. Độ ẩm quanh năm khá cao, trung bình năm là 84%. Chịu ảnh hưởng của các hướng gió chính là gió Đông Nam - Đông Bắc - Bắc.

c) Địa chất thủy văn:

Xã Quý Lộc có phần lớn diện tích nằm trên lớp trầm tích đệ tứ là thềm của sông Mã, có địa tầng đá vôi tích tụ hàng triệu năm, ở một số vị trí có thể có kiến tạo hang karst và các tầng nước ngầm do hiện tượng ngấm nước tự nhiên tạo thành các hố, hang và lỗ hổng trong lòng đất.

Nước mặt sông Mã là nguồn nước chủ yếu phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân thông qua các công trình thủy lợi, trạm bơm Đồn Trang, trạm bơm A Láng.. cung cấp đủ nước tưới cho sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân trên địa bàn.

2.3. Diện tích tự nhiên và tài nguyên đất đai:

Tổng diện tích tự nhiên: 13,56 km², trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Đất nông nghiệp: 7,43 km² (chiếm 54,8%):

+ Đất trồng cây hàng năm: 6,94 km²;

+ Đất trồng cây lâu năm: 0,06 km²;

+ Đất lâm nghiệp: 0,27 km²;

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 0,2 km²;

+ Đất nông nghiệp khác: 0,44 km².

- Đất phi nông nghiệp: 5,3 km² (chiếm 36,8%):

+ Đất ở nông thôn: 1,3 km²;

+ Đất chuyên dùng: 0,2 km²;

+ Đất xây dựng cơ sở tôn giáo: 0,6 km²;

+ Đất xây dựng cơ sở tín ngưỡng: 0,6 km²;

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: 0,8 km²;

+ Đất sông, ngòi, kênh rạch: 1,4 km²;

+ Đất có mặt nước chuyên dùng 0,2 km²;

- Đất chưa sử dụng: 1,2 km².

2.4. Dân số và lao động.

2.4.1. Dân số:

Xã Quý Lộc có 3.498 hộ, quy mô dân số 15.008 người (thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh), trong đó:

- Dân số thường trú: 13.840 người;

- Dân số tạm trú quy đổi: 1.168 người, cụ thể: Tổng số lượng khách du lịch, thăm quan và liên hệ công tác là 26.223 lượt người với thời gian lưu trú bình quân là 02 ngày; người lao động đến địa phương làm việc trên 06 tháng là 952 người (số liệu thống kê thực tế của UBND xã Quý Lộc và UBND huyện Yên Định). Quy đổi theo công thức $No = (2Nt \times m) / 365$, như sau: (No là dân số tạm trú quy đổi; Nt là tổng số lượt khách đến trong năm; m là số ngày tạm trú bình quân của một khách).

- Toàn xã có 10 thôn, gồm:

- + Thôn 1: diện tích 1,3 km², 1.193 người;
- + Thôn 2: diện tích 1,6 km², 1.501 người;
- + Thôn 3: diện tích 1,5 km², 1.445 người;
- + Thôn 4: diện tích 0,94 km², 1.015 người;
- + Thôn 5: diện tích 1,2 km², 927 người;
- + Thôn 6: diện tích 1,7 km², 1.556 người;
- + Thôn 7: diện tích 1,7 km², 1.302 người;
- + Thôn 8: diện tích 1,4 km², 1.302 người;
- + Thôn 9: diện tích 1,2 km², 1.038 người;
- + Thôn 10: diện tích 2,2 km², 2.465 người.

2.4.2. Lao động:

Dân số trong độ tuổi lao động: 8.898 người, trong đó:

- Số lao động được tạo việc làm: 8.810 lao động.

- Lao động trong các ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ (lao động phi nông nghiệp): 6.028 người, chiếm 67,75%;

- Lao động các ngành nông nghiệp: 2.870 người, chiếm 32,25 %.

2.5. Tình hình phát triển kinh tế:

2.5.1. Phát triển kinh tế:

Kinh tế xã Quý Lộc tăng trưởng khá, chuyển dịch đúng hướng, các chỉ tiêu đều hoàn thành theo kế hoạch đã đề ra, cụ thể:

- Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất trên địa bàn năm 2019 đạt 20,26%;

- Tổng giá trị sản xuất đạt 685,4 tỷ đồng, trong đó:
 - + Ngành thương mại - dịch vụ đạt 280,1 tỷ đồng, chiếm 42,02%;
 - + Công nghiệp - xây dựng đạt 236,6 tỷ đồng, chiếm 34,53%;
 - + Nông nghiệp đạt 160,7 tỷ đồng, chiếm 23,45%.
- Xã đã cân đối được thu - chi ngân sách (thu ngân sách đạt 9,1 tỷ đồng, chi ngân sách 9,0 tỷ đồng);
- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 290,08 tỷ đồng;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 49,5 triệu đồng/người/năm;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,49%.

a) Ngành nông nghiệp:

- Trồng trọt: Trong những năm qua sản xuất nông nghiệp đã chuyển dần sang sản xuất hàng hóa, ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghiệp, năng suất sản lượng cây trồng vật nuôi và giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích tăng khá. Tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt 162,3 tỷ đồng; Giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt 28,5%, giảm 2,5% so với cùng kỳ. Tổng diện tích gieo trồng cả năm là 2.320 ha, đạt 99,7 % kế hoạch năm. Trong đó: Lúa xuân 585,7 ha, năng suất đạt 73 tạ/ha, sản lượng 4 275.61 tấn; Ngô đông 400 ha, năng suất 55 tạ/ha, sản lượng 2 200 tấn; Ngô xuân 159,8 ha, năng suất 55 tạ/ha, sản lượng 878,88 tấn; Lúa mùa 585,7 ha, năng suất đạt 52 tạ/ha, sản lượng 3.045,40 tấn; Ngô thu 159,8 ha, năng suất 30,62 tạ/ha, sản lượng 487,07 tấn; Mía đường 125 ha (giảm 10 ha so với cùng kỳ), năng suất đạt 82,8 tạ/ha (giảm 7,3 tạ/ha so với cùng kỳ); Diện tích trồng ớt, hành, tỏi, khoai tây-các loại (vụ đông và vụ xuân) đạt 139 ha; Rau màu các loại 165 ha.

- Chăn nuôi: Thực hiện tốt chương trình chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng hàng hóa. Đã làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, tập trung chỉ đạo tái đàn lợn, liên kết chăn nuôi gà công nghiệp gia công cho công ty Jacfa, kết quả năm 2019: Tổng đàn trâu, bò là 3.500 con. Trong đó: Đàn trâu có 2.008 con; đàn bò 1.492 con; đàn lợn 7.800 con (tăng 1.100 con so với cùng kỳ; đàn gia cầm có 1.137.000 con (tăng 270.000 con so với cùng kỳ). Tỷ lệ tiêm phòng đàn gia súc đạt 85% so với diện phải tiêm.

Xã Quý Lộc phát triển rất mạnh mô hình trang trại, gia trại (chiếm 59% giá trị sản xuất ngành nông nghiệp) với 198 trang trại, gia trại lớn nhỏ chăn nuôi gia súc, gia cầm, trong đó có 53 trang trại, với doanh thu từ 700 triệu trở lên/năm đạt tiêu chí theo quy định tại Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT

ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

Đây là một nguồn lực lớn trong chiến lược phát triển kinh tế địa phương và thực tế trong thời gian, qua đã mang lại nguồn thu ổn định cũng như tạo ra một thị trường vững mạnh trong vùng.

b) Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

Năm 2019, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt ước đạt 239 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch năm. Hoạt động của các công ty, doanh nghiệp và các hợp tác xã dịch vụ, tổ hợp đang được mở rộng quy mô sản xuất, doanh thu tăng tạo điều kiện cho hàng nghìn lao động có việc làm thường xuyên với thu nhập từ 05 triệu đồng đến 06 triệu đồng/người/tháng. Đã thành lập được 04 doanh nghiệp, đạt 80%, tạo điều kiện cho 01 chi nhánh Công ty lắp ráp điện tử HATERTECH hoạt động, thu hút hơn 200 lao động và đã mời 02 doanh nghiệp lớn về may mặc và giày da khảo sát thực địa để đầu tư dự án với quy mô từ 1- 3 nghìn lao động. Số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn xã là 13 doanh nghiệp và 05 hợp tác xã.

Khối ngành này hiện đang thu hút lao động không chỉ trong địa bàn xã mà mở rộng các xã lân cận với việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định. Với nhu cầu phát triển thực tế việc bố trí quỹ đất hợp lý, tập trung cho nhu cầu ngành kinh tế này là hết sức cần thiết nhằm đáp ứng quy mô phát triển trong tương lai của các doanh nghiệp; mặt khác, giảm thiểu sự ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng dân cư trong khu vực, dần hình thành cụm công nghiệp tập trung đáp ứng nhu cầu việc làm cho đông đảo nhân dân trong xã và các xã lân cận.

c) Thương mại - dịch vụ:

- Khu vực kinh tế dịch vụ: Do có vị trí địa lý và điều kiện môi trường dịch vụ thương mại thuận lợi nên hoạt động dịch vụ thương mại, dịch vụ hàng tiêu dùng của nhân dân trong vùng phát triển và đạt được kết quả cao. Số hộ tham gia dịch vụ kinh doanh là 747 hộ, đạt 290,8 tỷ đồng, nhiều lĩnh vực, ngành nghề đáp ứng nhu cầu hàng hóa, nhu yếu phẩm phục vụ đời sống nhân dân trong và ngoài xã.

- Các tổ chức hợp tác xã và quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn hoạt động rất hiệu quả với 05 hợp tác xã dịch vụ và quỹ tín dụng nhân dân đem lại nguồn thu ổn định đóng góp ngân sách địa phương. Hoạt động của 02 hợp tác xã dịch vụ sản xuất nông nghiệp đã bám sát nhiệm vụ, kế hoạch của UBND xã trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, cơ bản đáp ứng được khâu dịch vụ tưới, tiêu, bảo vệ cây trồng đưa năng suất giá trị trên đơn vị diện tích tăng lên. Công ty TNHH Cát Tường cung cấp con giống gia súc - gia cầm cho nhân dân chăn nuôi

phát triển kinh tế hộ gia đình. Công tác quản lý điện năng được tăng cường sản lượng điện năm 2019 đạt 6.020.424 kw, tăng 713.913 kw so với năm 2018, tồn thất 8,84%, giảm 0,52% so với cùng kỳ, đảm bảo phục vụ sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh.

Hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân: Quản lý hiệu quả nguồn vốn, tập trung huy động vốn đáp ứng nhu cầu về vốn cho nhân dân vay đầu tư thúc đẩy phát triển kinh tế, tiêu dùng, giải quyết việc làm cho lao động của địa phương. Tổng dư nợ tín dụng là 148 tỷ đồng.



Công ty Đá ốp lát Xuân Trường



Trang trại chăn nuôi

2.5.2. Văn hóa - xã hội:

a) Giáo dục:

Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm và trở thành phong trào sâu rộng, quy mô trường lớp đang được đầu tư xây dựng đạt chuẩn. Chất lượng giáo dục toàn diện có chuyên biệt, số học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh năm sau cao hơn năm trước. Tổng kết năm học 2018 - 2019 các trường cơ bản đạt kế hoạch. Số học sinh khá, giỏi tăng, học sinh yếu kém giảm, trường mầm non đạt tiên tiến cấp huyện đứng ở vị trí 13/29 trường, tăng 01 bậc so với năm học trước, Trường THCS đứng ở vị trí 14/29 trường, tăng 01 bậc so với năm học trước và trường tiểu học đứng thứ 13/29 trường, tăng 03 bậc so với năm học trước. Tỷ lệ tốt nghiệp ở các cấp học đạt 100%. Năm học 2019 - 2020 quy mô trường, lớp được đầu tư xây dựng từng bước đạt chuẩn. Tổng số lớp là 72 lớp, tổng số học sinh là 2.159 em, tăng 24 em so với năm học trước. Giáo viên 96 thầy, cô. Chất lượng giáo dục đại trà, mũi nhọn được nâng lên, số học sinh giỏi tăng, học sinh yếu kém giảm. Công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi.

Trung tâm học tập cộng đồng mở được 14 lớp với 987 lượt người được học tập bồi dưỡng kiến thức về gia đình, phát triển kinh tế và an sinh xã hội.



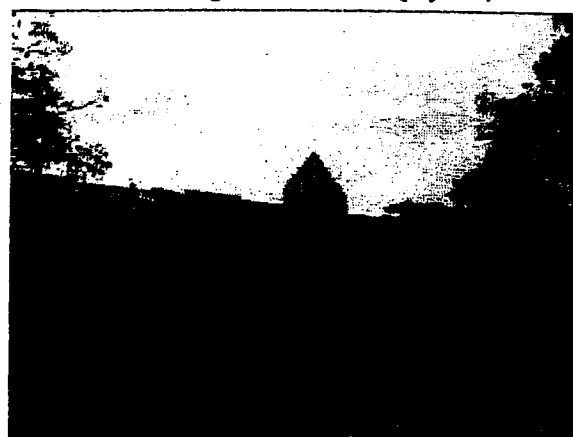
Trường mầm non Quý Lộc



Trường mầm non Quý Lộc



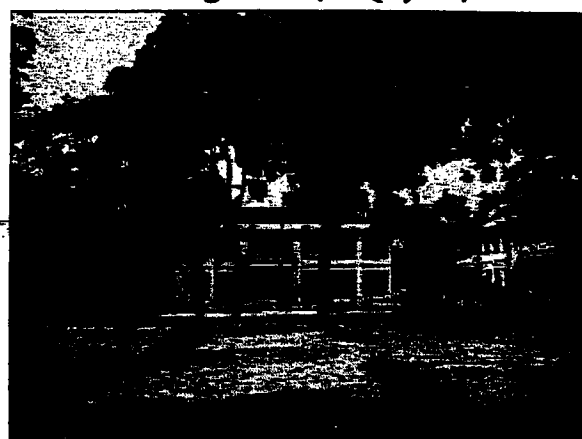
Trường tiểu học Quý Lộc 2



Trường tiểu học Quý Lộc 1



Trường THCS Quý Lộc



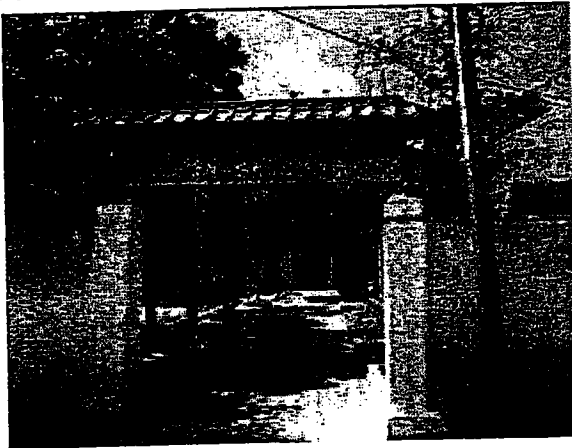
Trường THCS Quý Lộc

b) Y tế:

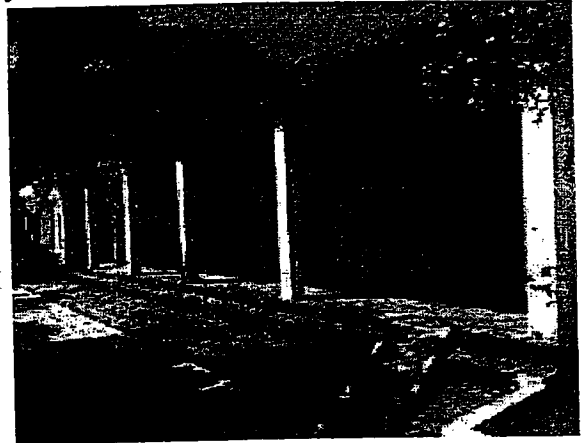
Công tác y tế được đảm bảo; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm chỉ đạo; đáp ứng nhu cầu thực hiện các chương trình y tế quốc gia; đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh. Trạm y tế xã thường xuyên thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác y tế dự phòng được tăng cường, không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Trong năm đã chăm sóc sức khỏe ban đầu cho 5.961 lượt người đạt 103% kế hoạch năm, duy trì hoạt động y tế dự phòng, từ tháng 10 năm 2019 đã

đưa máy siêu âm, xét nghiệm vào hoạt động có hiệu quả, 100% các cháu trong độ tuổi được tiêm chủng đủ các loại vacxin, quản lý tốt chất lượng an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính DS -KHHGD, 85% hộ gia đình tham gia đóng BHYT, các dịch vụ truyền thông được tổ chức ở các thôn, ở xã đáp ứng kịp thời nhu cầu của nhân dân. Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên 0,06 % (giảm 0,01 %) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 4,7‰.



Trạm Y tế xã Quý Lộc



Trạm Y tế xã Quý Lộc

c) Công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm

Công tác chính sách xã hội được chăm lo; đào tạo, giải quyết việc làm cho người lao động được quan tâm; công tác giảm nghèo được chú trọng; chế độ, chính sách đối với người có công và an sinh xã hội được thực hiện kịp thời; thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa. Hằng năm, xã đã tổ chức đi thăm hỏi và tặng quà cho các đối tượng chính sách, người có công, hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn một cách kịp thời, đúng đối tượng; chi trả ủy quyền trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng đảm bảo chính xác, đúng chế độ; thực hiện kế hoạch vận động xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa theo hướng dẫn của huyện.

Lao động, việc làm, giảm nghèo, giải quyết các vấn đề xã hội, chính sách an sinh xã hội luôn được quan tâm, việc chi trả chế độ và thụ lý hồ sơ khen thưởng cho các đối tượng chính sách thực hiện đầy đủ; chương trình xuất khẩu lao động có 32 lao động, đạt 100% KH và có 12 hồ sơ đang làm thủ tục theo học hướng nghiệp. Điều tra hộ nghèo, cận nghèo năm 2020 theo chuẩn mới: Hộ nghèo là 1,67%, hộ cận nghèo 6,32%. Thực hiện tốt công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 4,7% (giảm 0,8% so với cùng kỳ).

d) Hoạt động văn hóa - thể thao:

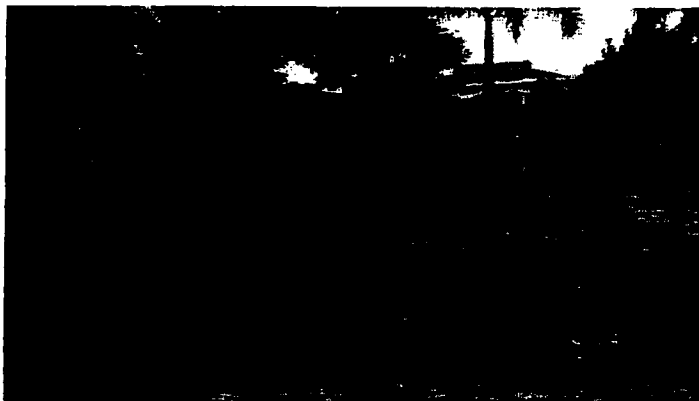
Hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao phát triển sâu rộng; phong trào xây dựng đời sống văn hoá cơ sở đã tập trung vào xây dựng đơn vị văn hoá, gia đình văn hoá, xây dựng nếp sống văn minh được phát động thường xuyên và trở

thành phong trào quần chúng sâu rộng. UBND xã đã phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, các thôn tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: các cụm pano, áp pích, khẩu hiệu tường, các văn bản, bản tin trên hệ thống loa truyền thanh của xã, của thôn; thường xuyên tiếp sóng Đài tiếng nói Việt Nam, nội dung xây dựng các chương trình tập trung vào nhiệm vụ chính trị của địa phương và hoạt động của các ngày lễ lớn. Trên địa bàn xã có di tích đền Bà Chúa được công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh.

Hoạt động văn hoá, thông tin, truyền thanh: Tập trung tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, kỷ niệm của đất nước, của địa phương, 990 năm Thanh Hóa, Thanh hóa 50 năm thực hiện di chúc của Bác, tổng kết 10 năm xây dựng nông thôn mới, tuyên truyền công tác tổng điều tra dân số nhà ở, tuyên truyền về các nhiệm vụ chính trị, các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách mới của nhà nước, của địa phương. Duy trì tiếp âm Đài tiếng nói của trung ương, của tỉnh phục vụ nhân dân. Phát động các phong trào văn nghệ, TDTT, tổ chức lễ hội đua thuyền truyền thống trên sông Mã vào Quốc khánh 2/9 và một số chương trình TDTT, văn hóa văn nghệ của Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh.

Phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; xây dựng “công dân kiểu mẫu, gia đình kiểu mẫu, thôn kiểu mẫu, làng xóm kiểu mẫu” được quan tâm triển khai sâu rộng. Các hoạt động văn hóa tâm linh, lễ hội được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Xét công nhận gia đình văn hóa năm 2019 đạt tỷ lệ 87%, có 10/10 thôn được xét công nhận lại tiêu chí thôn văn hóa giai đoạn 2014 - 2019.

Các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao diễn ra sôi nổi ở các thôn. Tỷ lệ người tham gia luyện tập TDTT thường xuyên đạt 44%, tăng 0,4% so với năm 2018.



Một số hoạt động thể dục thể thao



Một số hoạt động thể dục thể thao

2.6. Quốc phòng - an ninh:

Trong những năm qua, phong trào thi đua bảo vệ Tổ quốc và đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội trong nhân dân, trong lực lượng vũ trang tiếp tục được phát huy và đạt nhiều thành tích. Phong trào tuổi trẻ giữ nước đã trở thành phong trào thi đua lớn thu hút nhiều thanh niên tham gia khám tuyển, trong những năm qua, đã có hàng nghìn thanh niên tòng quân tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sự phối hợp trong diễn tập quân sự với phòng chống thiên tai, xây dựng khu vực phòng thủ được tổ chức tốt. Thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự địa phương đã đưa 14 thanh niên lên đường nhập ngũ. Trong năm đó phối hợp đề xuất giải quyết chế độ của các đối tượng dân công hỏa tuyến theo Quyết định 49, có 200 đối tượng đó được nhận với số tiền 500 triệu đồng, đối tượng hưởng theo Quyết định 62 là 04 đối tượng với số tiền 16,4 triệu đồng. Tổ chức huấn luyện cho 31 dân quân cơ động, 30 dân quân tại chỗ, 12 dân quân năm thứ nhất tham gia huấn luyện dân quân tại huyện, 100% đạt yêu cầu, trong đó 75% đạt khá, giỏi. Tổ chức khám sơ tuyển và khám tuyển cho 174 thanh niên theo chỉ tiêu của huyện về tuyển quân năm 2020. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh - trật tự luôn được các cấp ủy, chính quyền và ngành chức năng qua tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện theo kế hoạch. Do đó chính trị luôn được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, nhất là an ninh nội bộ, an ninh văn hoá tư tưởng, an ninh nông thôn và an ninh vùng giáp ranh.

An ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tiếp tục được củng cố và giữ vững; lực lượng quân sự, công an đã phối hợp tuần tra ban đêm, kết hợp với Công an huyện làm tốt công tác đảm bảo an toàn giao thông, bảo đảm tốt an ninh trật tự trên địa bàn xã; phát động xây dựng hình ảnh người công an xã Quý Lộc bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ, đẹp trong lòng nhân dân; triển khai Đề án 1212 của UBND tỉnh Thanh-Hóa đến mọi tầng lớp nhân dân. Tổ chức đón 4 đồng chí công an chính quy về làm công an xã (01 đồng chí trưởng công an, 01 đồng chí phó công an và 2 đồng chí công an viên).

2.7. Tổ chức hệ thống chính trị:

Xây dựng đảng được củng cố, tăng cường; công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra, dân vận... được thực hiện nghiêm túc; vai trò của mặt trận và các tổ chức đoàn thể được nâng cao; hoạt động của HĐND và UBND có nhiều đổi mới, công tác giám sát, tiếp xúc cử tri, cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả hoạt, cụ thể:

2.7.1. Đảng bộ:

- Tổng số chi bộ trực thuộc: 15 chi bộ;
- Tổng số đảng viên: 499 đảng viên;
- Ban chấp hành đảng bộ: 12 đồng chí;

- Ban Thường vụ: 5 đồng chí gồm: Bí thư, 02 Phó Bí thư (01 Phó Bí thư chuyên trách và 01 Phó Bí thư phụ trách chính quyền), 02 Ủy viên.

2.7.2. Hội đồng nhân dân:

- Tổng số đại biểu: 29 đại biểu;
- Thường trực HĐND: 02 người;
- Các Ban của HĐND: Ban Pháp chế và Kinh tế - xã hội.
- Cơ cấu, chất lượng đại biểu HĐND xã:
 - + Đảng viên: 28 người; nữ: 04 người;
 - + Trình độ chuyên môn chưa qua đào tạo: 01 người; sơ cấp: 08 người, trung cấp: 04 người, cao đẳng: 04 người, đại học: 12 người.
 - + Trình độ lý luận chính trị chưa qua đào tạo: 05 người, sơ cấp: 06 người, trung cấp: 18 người.

2.7.3. UBND có 04 thành viên, gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 02 Ủy viên UBND (xã là đơn vị hành chính loại 2).

2.7.4. Tổ chức chính trị - xã hội:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: 43 thành viên, 10 Ban Công tác Mặt trận;
- Đoàn thanh niên Cộng sản HCM: 192 đoàn viên, 12 chi đoàn;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ: 2.489 hội viên, 10 chi hội;
- Hội Cựu chiến binh: 672 hội viên, 10 chi hội;
- Hội Nông dân: 2417 hội viên, 10 chi hội.

2.7.5. Cán bộ, công chức: 19 người (cán bộ: 10 người, công chức: 09 người); trong đó:

- Đảng viên: 19 người; nữ: 04 người; dân tộc thiểu số: 0 người;
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:
 - + Trung cấp: 02 người;
 - + Cao đẳng: 03 người;
 - + Đại học: 13 người;
 - + Sau đại học: 01 người;
- Trình độ lý luận chính trị:
 - + Sơ cấp: 01 người;
 - + Trung cấp: 17 người;

+ Cù nhân, cao cấp: 01 người;

2.7.6. Đơn vị sự nghiệp:

- Trường học:

+ 03 trường (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở), quy mô 72 lớp.

+ 110 viên chức đang làm việc, gồm: 10 cán bộ cán bộ quản lý (3 hiệu trưởng, 7 hiệu phó) và 90 giáo viên, nhân viên;

- Trạm y tế, quy mô 10 giường bệnh, 05 nhân viên y tế.

2.7.7. Số lượng người hoạt động không chuyên trách:

- Ở xã: 11 người;

- Ở các thôn: 30 người.

2.7.8. Tổ chức hội đặc thù, hội xã hội: có 9 hội, 5.719 hội viên.

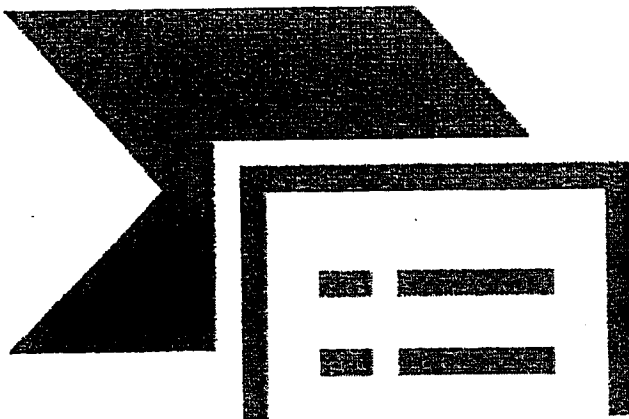
2.8. Phát triển nhà ở và các công trình hạ tầng xã hội:

2.8.1. Nhà ở:

Xã Quý Lộc là địa phương đi đầu trong công tác quy hoạch và xây dựng điểm dân cư nông thôn nên nhà ở và dân cư ở đây từ hình thức kiến trúc cho đến sắp xếp không gian tương đối đồng bộ, hài hoà theo dạng "ô bàn cờ", chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã với mật độ dân cư cao; các khu vực khác ở gần với sản xuất nông nghiệp đã hình thành từ rất lâu.

Hiện trạng nhà ở chủ yếu theo hai dạng chính, với các hộ dân bám trên các trục đường chính như đường tỉnh 518B (tuyến nhánh), đường Lê Đình Chinh nhà ở theo dạng chia lô cao 2-3 tầng khá khang trang, hình thức kiến trúc hiện đại theo phong cách đô thị; các hộ dân trên các trục đường ngõ, xóm hầu hết theo dạng nhà ở nông thôn với một công trình chính để ở và một công trình phụ để chăn nuôi, bếp, vệ sinh và kho.

Tổng số nhà trên địa bàn năm 2019 là 3.481 nhà; diện tích sàn nhà ở bình quân cho khu vực đạt 29,87 m² sàn/người; tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố 100%.



Nhà ở xã Quý Lộc



Nhà ở xã Quý Lộc

2.8.2. Các công trình thương mại dịch vụ:

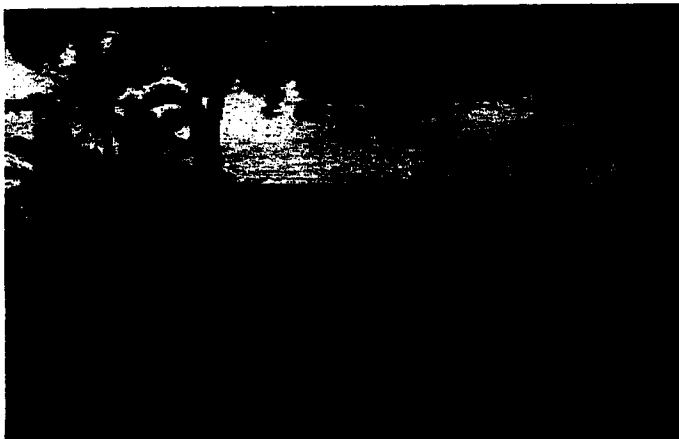
Các cụm thương mại - dịch vụ khu vực từng bước được hình thành, hoạt động dịch vụ ngày càng đa dạng, hàng hoá phong phú, giá cả không có biến động lớn, đáp ứng được nhu cầu phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Trên địa bàn khu vực hiện có 02 chợ hoạt động theo tập quán của dân cư địa phương mang nét đặc thù riêng, 01 chợ họp vào phiên buổi sáng, 01 chợ họp vào phiên buổi chiều. Hai chợ đều đã được được đầu tư xây dựng các hạ tầng thiết yếu, cơ bản đáp ứng nhu cầu giao thương hàng hóa của người dân.



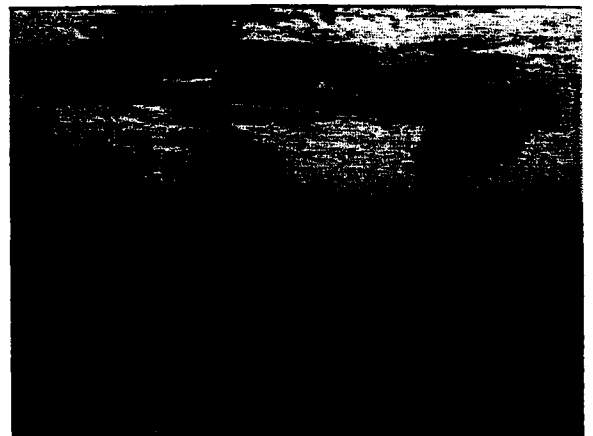
2.8.3. Công trình văn hóa - thể thao:

Hệ thống công trình văn hóa - thể thao được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhân dân, như: công trình văn hóa - thể thao cụm 1 và cụm 2. Tại các khu dân cư công trình văn hóa, thể thao cấp khu ở là các nhà văn hóa thôn kèm các sân thể thao đa năng quy mô nhỏ, cũng đang từng bước được xây dựng kiên cố, khang trang.

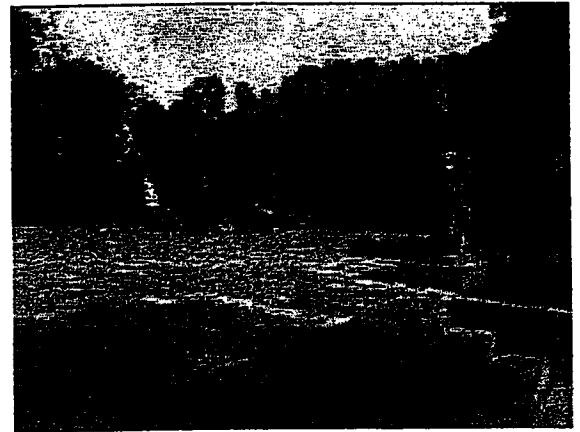
Xã Quý Lộc có các di tích đình, đền, chùa, lăng mộ khá nổi tiếng như: Đền Bà Chúa Đồn Trang đã được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh, ngoài ra còn có Lăng mộ Chúa Trịnh Sâm, Giếng Chúa, Nghè Thúy Đại... đang trong quá trình khảo sát và làm thủ tục công nhận di tích. Đây là các di tích lịch sử gắn với sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân mang đậm nét truyền thống thể hiện qua các lễ hội, tập tục sinh hoạt. Ngoài ra có 02 nhà thờ Xứ Quần Xá và Họ Trị Sở phục vụ sinh hoạt tín ngưỡng cho đồng bào theo đạo Thiên Chúa Giáo.



Nhà văn hóa đa năng

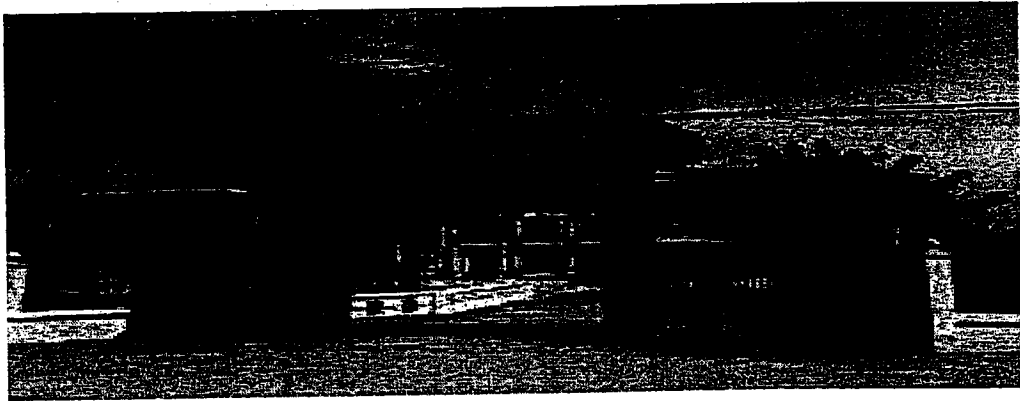


Sân thể thao



Đền Bà Chúa Đồn Trang

2.8.4. Hệ thống trụ sở cơ quan hành chính:



Công sở xã Quý Lộc

Địa phương đã dành nguồn kinh phí hợp lý đầu tư, xây dựng trung tâm hành chính xã nhằm mục tiêu hiện đại hóa hành chính địa phương. Trung tâm hành chính xã bao gồm: Đảng ủy, HĐND, UBND xã và khối các tổ chức, đoàn thể khác được xây dựng khang trang, chất lượng và hình thức công trình tốt; vị trí là điểm giao của tuyến đường nhánh của Tỉnh lộ 518B và đường Lê Đình Chinh, thuận lợi cho công tác tổ chức tiếp đón nhân dân, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân trên địa bàn.

2.8.5. Tình hình xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường tỉnh 518: là đường cấp VI, bề rộng mặt đường từ 6,5 đến 7,5 m, lề đường kết hợp rãnh thoát nước từ 1,5 đến 3,0 m; đường kết cấu bê tông nhựa.

+ Đường tỉnh 518B: Qua khu vực đô thị Quý Lộc gồm 2 nhánh, nhánh 1 đi theo đê Quý Lộc, nhánh 2 qua khu vực dân cư hiện trạng, cụ thể:

Nhánh 1: Hiện nay là tuyến đường giao thông kết hợp đê sông (đê cấp II); mặt đê hiện trạng có bề rộng khoảng 6,0 m, mái dốc đê $m = 1-2$.

Nhánh 2: Hiện nay đang được nâng cấp, cải tạo với bề rộng mặt đường 5,50 m, rộng nền 6,50 m; điểm đầu từ nhánh 1 (đê Quý Lộc) hướng tuyến trùng với đường cũ. Quỹ đất dọc 2 bên tuyến đường này chủ yếu là đất nông nghiệp.

+ Đoạn trong khu vực dân cư hiện nay đang được quản lý với lộ giới 13,00 m. Các công trình kiến trúc dọc 2 bên đường chủ yếu là dân cư hiện trạng với hệ thống các công trình kiến trúc kiên cố.

+ Đường Lê Đình Chinh: được đầu tư xây dựng khá hoàn chỉnh với kết cấu bê tông xi măng, các công trình HTKT trên tuyến gồm mương thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng... lộ giới là 15,50 m đã bao gồm tuyến mương cấp nước phía Đông Bắc) dẫn từ trạm bơm tiêu Đồn Trang.

+ Đoạn từ đường Lê Đình Chinh đến đường 518: Hiện nay đã được nhựa hóa, bề rộng mặt đường từ 6,5 - 7,5m, bề rộng nền đường từ 8,5 - 10,5m. Lộ giới từ 12,0 đến 24,0 m.

- Giao thông đối nội:

+ Hệ thống giao thông đã được đầu tư theo chương trình xây dựng xã nông thôn mới đến nay tỷ lệ đường trục xã, liên xã, đường liên thôn, đường ngõ xóm đạt 100% cứng hóa. Đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất cho toàn xã. Các đường trục chính trung tâm được rải nhựa, hè đường đã được xây dựng. Các tuyến đường khu vực, phân khu vực có mặt đường bê tông xi măng, chỉ có lề đường chưa được lát gạch.

+ Đường trục xã, liên xã: tổng chiều dài là 11,7 km. Lộ giới quản lý 10,5 - 13,5 m, mặt đường BTXM rộng 7,5m. Các công trình hạ tầng kỹ thuật trên tuyến đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh gồm hệ thống thoát nước, cấp điện và cấp điện chiếu sáng...



Trục đường xã, thôn

+ Đường liên thôn, xã: phân bố đều ở các thôn, hình thành nên mạng lưới giao thông chặt chẽ trong khu dân cư. Các tuyến đường liên thôn, xã phần lớn đã được cứng hoá; mặt cắt nền đường 5,5 - 6m; công trình hạ tầng kỹ thuật trên tuyến cũng đã được từng bước được đầu tư xây dựng

b) Cấp điện và chiếu sáng công cộng:

Nguồn điện cấp điện cho xã Quý Lộc hiện có 2 nguồn, nguồn thứ nhất là đường điện 6 KV lộ 927 sau trạm trung gian Yên Trung 35/6 KV-(2x1.800) KVA cấp cho các trạm biến áp dọc tuyến đường 518B và khu vực trung tâm xã, tuyến thứ 2 là đường điện 35 KV lộ 374 từ trạm trung gian 110 KV Thiệu Yên cấp cho các hộ dọc tuyến đường 518.

Lưới điện: 6 KV (22KV) khu vực 1: Lưới điện 6 KV cấp cho khu vực xã đang được chuyển đổi thành cấp điện áp 22KV.

Hệ thống chiếu sáng gồm: Đường trục giao thông đối ngoại và hệ thống đường chính đã được chiếu sáng 100%; Hệ thống chiếu sáng đường phụ, đường làng ngõ xóm, tổng chiều dài là 58,942 km, đạt tỷ lệ được chiếu sáng là 78,4%.

c) Cấp nước:

Quý Lộc đang lập dự án xây dựng hệ thống cấp nước tại phía Tây Bắc xã (bố trí khu vực núi phía sau khu di tích đền Bà Chúa Đồn Trang) cung cấp cho 50% dân trong xã giai đoạn 1. Hiện tại có khoảng 96,76% người dân khu vực được dùng nước hợp vệ sinh từ nguồn nước giếng khoan, giếng khơi.

d) Hệ thống viễn thông:

Hiện tại hệ thống thông tin liên lạc, truyền thanh đã được đầu tư đồng bộ theo quy hoạch của ngành bưu chính-viễn thông, cơ sở hạ tầng như trung tâm bưu điện huyện, các trạm thu phát sóng điện thoại, phát thanh truyền hình, internet đã được đầu tư và khai thác có hiệu quả.

Xã Quý Lộc có 02 điểm phục vụ bưu chính viễn thông. Hệ thống internet có ở tất cả các thôn với tỷ lệ khoảng 21,14 thuê bao internet/100 dân. Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động đạt 100%. Nhìn chung, hạ tầng về bưu chính viễn thông đáp ứng được nhu cầu sử dụng và mở rộng nâng công suất trong tương lai.

e) Vệ sinh môi trường:

- Thoát nước, xử lý nước thải đô thị:

Xã Quý Lộc có môi trường sinh thái tương đối tốt. Nước thải và nước mưa đi chung cùng hệ thống, chủ yếu thoát tự chảy, hướng thoát chính theo hệ thống kênh mương thoát ra sông Mã từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam.

Một số tuyến đường đã được đầu tư xây dựng hệ thống mương thoát nước dọc hai bên đường, một số đoạn được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mặt, được đầu tư tương đối đồng bộ nên hiệu quả sử dụng tốt, không bị ngập úng. Mương thoát nước dọc đường của xã chủ yếu có bề rộng lòng mương khoảng 0,6 đến 0,8m, kết cấu chủ yếu xây gạch, nắp đan BTCT.

Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh đều có hệ thống xử lý chất thải trước khi thoát ra hệ thống thoát nước thải chung của xã. Các trang trại chăn nuôi được bố trí tập trung, xa khu dân cư và hầu hết có hệ thống xử lý chất thải.

- Thu gom, xử lý chất thải, nhà tang lễ:

Công tác giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn đang được chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo. Hiện nay trên toàn khu vực có 02 tổ của các thôn thu gom rác thải vệ sinh môi trường với 08 công nhân viên, xe chở rác các loại tương đối tốt. Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là chất thải rắn hữu cơ được tận dụng để tái sử dụng như: làm thức ăn chăn nuôi, ủ là phân hoặc đốt thành tro, phần không sử dụng được thì được thu gom đưa về bãi rác. Theo thống kê, thành phần chất thải rắn chủ yếu của khu vực là các chất hữu cơ, đất đá, gạch của công trường xây dựng đạt tỷ lệ lên đến 41% tổng rác thải.

g) Kiến trúc, cảnh quan đô thị:

- Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: Trong quá trình phát triển đô thị, Quý Lộc đã có quy định quản lý đô thị theo quy hoạch chung xây dựng và quy định quản lý kiến trúc cảnh quan. Thực hiện quản lý cụ thể các không gian kiến trúc cảnh quan đô thị tới từng công trình, tuyến phố theo Nghị định số 38/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tuyến phố văn minh đô thị: Quá trình tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đã làm thay đổi bộ mặt đô thị, từng bước phát triển theo hướng một đô thị hiện đại, văn minh, hình thành một số tuyến đường chính hài hòa, đảm bảo vệ sinh môi trường, trật tự đô thị và an toàn giao thông.

- Công viên cây xanh và không gian công cộng đô thị: Xã Quý Lộc có 02 không gian công cộng: khuôn viên thuộc nhà văn hóa đa năng cụm 1 và cụm 2; tại tất cả thôn đều có ít nhất 1 sân cầu lông, sân bóng chuyền, sân thể thao hỗn hợp. Tổng diện tích đất cây xanh trên địa bàn là 102,778 ha, đạt 7,1m²/người.

3. Xã Yên Lâm

3.1. Lịch sử hình thành:

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Yên Định vẫn là đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh Thanh Hóa, bỏ đơn vị hành chính trung gian là cấp tổng và thành lập đơn vị hành chính cấp xã, gồm 12 xã trong đó có 6 xã được bắt đầu bằng chữ Yên và 6 xã bằng chữ Định. Giai đoạn các năm 1949 - 1950, 12 xã được tách thành 24 xã. Khi thực hiện giảm tô (1954 - 1955) huyện được chia thành 28 xã trong đó có xã Yên Lâm.

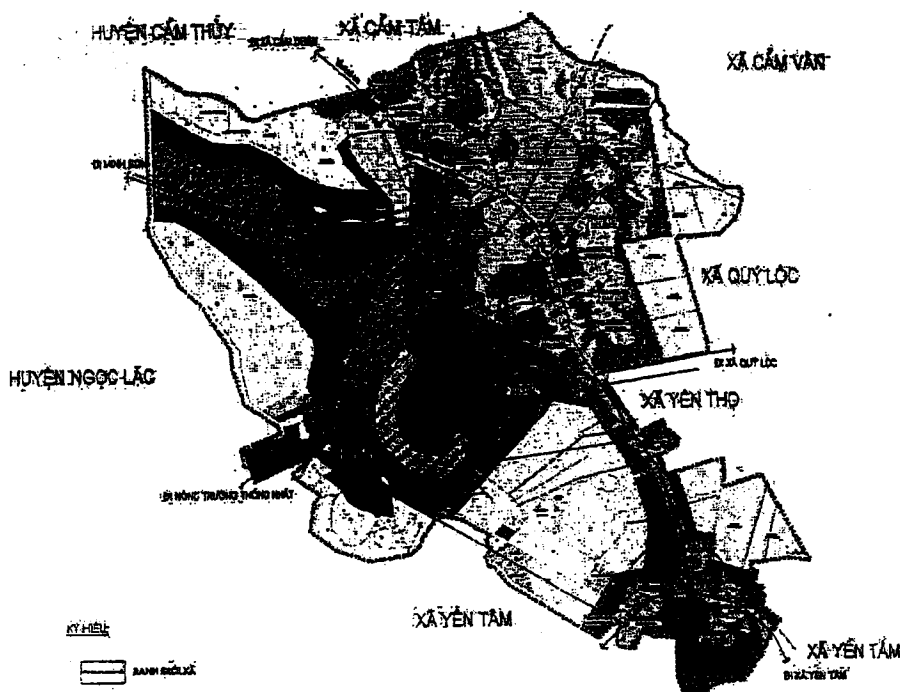
Ngày 05/7/1977, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 177/CP giải thể huyện Thiệu Hóa, sáp nhập 15 xã vùng tả ngạn sông Chu của huyện Thiệu Hóa vào huyện Yên Định thành huyện Thiệu Yên, huyện lỵ đóng tại Kiều (xã Yên Tường), gồm 42 xã, chia thành ba vùng, gồm 15 xã vùng Thiệu, 12 xã vùng Định và 15 xã vùng Yên trong đó có Yên Lâm.

Ngày 15/12/2017, UBND tỉnh Thanh Hóa có Quyết định số 4873/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 định hướng phát triển đô thị Yên Lâm là trung tâm kinh tế - xã hội phía Tây Bắc huyện Yên Định. Với sự đầu tư, quản lý của nhà nước và sự nỗ lực phấn đấu xây dựng của nhân dân theo quy hoạch chung đã được phê duyệt, bước đầu bộ mặt đô thị Yên Lâm được hình thành.

3.2. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên:

3.2.1. Vị trí địa lý xã Yên Lâm:

- Phía Đông giáp các xã Quý Lộc, Yên Thọ;
- Phía Tây giáp thị trấn Thống Nhất và huyện Ngọc Lặc;
- Phía Nam giáp xã Yên Tâm;
- Phía Bắc giáp huyện Cẩm Thủy;



mùa rồ rệt, mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 11; mùa khô kéo dài 5 tháng từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ không khí trung bình cả năm là 23-27°C. Tổng số ngày mưa trong năm là 118 ngày. Lượng mưa trung bình năm 1.600 - 1.900 mm, lượng mưa lớn nhất là 350-500 mm. Độ ẩm quanh năm khá cao, trung bình năm là 90%; chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc và gió mùa Đông nam; ngoài ra còn chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam khô nóng.

c) Địa chất thủy văn:

Xã Yên Lâm có cấu tạo địa tầng khu vực chủ yếu là nền đất sét có khả năng chịu lực tốt có cường độ từ 1,2 - 1,6 kg/cm², thuận lợi cho xây dựng công trình kiến trúc cao tầng và các công trình kỹ thuật hạ tầng khác.

Phục vụ cho sản xuất nông nghiệp được lấy từ các nguồn chính là Hồ Thăng Long, Kênh 61, trạm bơm Đồn Trang, các hồ lớn nhỏ có trên địa bàn xã và nguồn nước mưa tại chỗ. Trong đó:

- Kênh 61 và Trạm bơm Đồn Trang tưới được khoảng 50% diện tích canh tác, tập trung cho các thôn: Phong Mỹ, Phong Mỹ 1, Phong Mỹ 2, Đông Sơn, Quan Trì và Phúc Trì.

- Hồ Thăng Long và các hồ lớn, nhỏ khác như: Hồ Bai Thờ, Hồ Công An, Hồ Móc Z... chủ yếu tập trung ở khu vực phía Bắc của xã và cũng là vị trí cao nhất so với địa bàn xã, là nguồn nước tự nhiên phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các thôn: Hành Chính, Thăng Long, Diệu Sơn và Cao Khánh.

3.3. Diện tích tự nhiên và tài nguyên đất đai:

Tổng diện tích tự nhiên: 17,25 km², trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Đất nông nghiệp: 7,2 km² (chiếm 0,42%):

+ Đất trồng cây hàng năm: 5,3 km²;

+ Đất trồng cây lâu năm: 0,4 km²;

+ Đất lâm nghiệp: 13,0 km²;

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 0,1 km²;

+ Đất nông nghiệp khác: 0,09 km².

- Đất phi nông nghiệp: 6,39km² (chiếm 0,37%):

+ Đất ở nông thôn: 1,92 km²;

+ Đất chuyên dùng: 3,61 km²;

+ Đất xây dựng cơ sở tôn giáo: 0,002 km²;

+ Đất xây dựng cơ sở tín ngưỡng: 0 km²;

- + Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: 0,1 km²;
- + Đất sông, ngòi, kênh rạch: 0,04 km²;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,7 km²;
- Đất chưa sử dụng 0 km².

3.4. Dân số và lao động.

3.4.1. Dân số:

Xã Yên Lâm có 1934 hộ, quy mô dân số 8.683 người (thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh), trong đó:

- Dân số thường trú 7.117 người;
- Dân số thường trú quy đổi 1.566 người, cụ thể: Tổng số lượt khách du lịch, thăm quan và liên hệ công tác là 19.260 lượt người với thời gian lưu trú bình quân là 1,2 ngày; người lao động đến địa phương làm việc trên 6 tháng là 1.439 người (số liệu thống kê thực tế của UBND xã Quý Lộc và UBND huyện Yên Định). Quy đổi theo công thức $N_o = (2N_t \times m)/365$, như sau (N_o là dân số tạm trú quy đổi; N_t là tổng số lượt khách đến trong năm; m là số ngày tạm trú bình quân của một khách).

- Toàn xã có 8 thôn, gồm:

- + Thôn Cao Khánh: diện tích 2,453 km², 668 người;
- + Thôn Phúc Trí: diện tích 2,292 km², 511 người;
- + Thôn Quan Trì: diện tích 1,872 km², 642 người;
- + Thôn Phong Mỹ: diện tích 3,141 km², 1.900 người;
- + Thôn Đông Sơn: diện tích 0,837 km², 854 người;
- + Thôn Diệu Sơn: diện tích 0,918 km², 994 người;
- + Thôn Thắng Long: diện tích 2,251 km², 821 người;
- + Thôn Hành Chính: diện tích 1,316 km², 727 người.

3.4.2. Lao động:

Dân số trong độ tuổi lao động: 4.605 người, trong đó:

- Lao động trong các ngành công nghiệp – xây dựng, thương mại – dịch vụ (lao động phi nông nghiệp) 3.767 người, chiếm 81,80%;
- Lao động các ngành nông nghiệp 838 người, chiếm 18,20%.

3.5. Tình hình phát triển kinh tế:

3.5.1. Phát triển kinh tế:

Kinh tế xã Yên Lâm tăng trưởng khá, chuyển dịch đúng hướng, các chỉ tiêu đều hoàn thành theo kế hoạch đã đề ra, cụ thể:

- Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất trên địa bàn năm 2019 đạt 21,41%;
- Tổng giá trị sản xuất đạt 1.015,4 tỷ đồng, trong đó:
 - + Ngành thương mại - dịch vụ đạt 233,306 tỷ đồng, chiếm 22,79%;
 - + Công nghiệp – xây dựng đạt 628,499 tỷ đồng, chiếm 62,69%;
 - + Nông nghiệp đạt 153,58 tỷ đồng, chiếm 14,52%;
- Xã đã cân đối được thu – chi ngân sách (thu ngân sách đạt 16,98 tỷ đồng, chi ngân sách 16,35 tỷ đồng)
- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 170,1 tỷ đồng;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 68,23 triệu đồng/người/năm;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,48%.

a) Ngành nông nghiệp:

Năm 2019, tổng giá trị sản xuất ngành đạt 153,58 tỷ đồng, so với năm 2018 đạt 109,93%, so với kế hoạch năm 2019 đạt 100,05%, cụ thể:

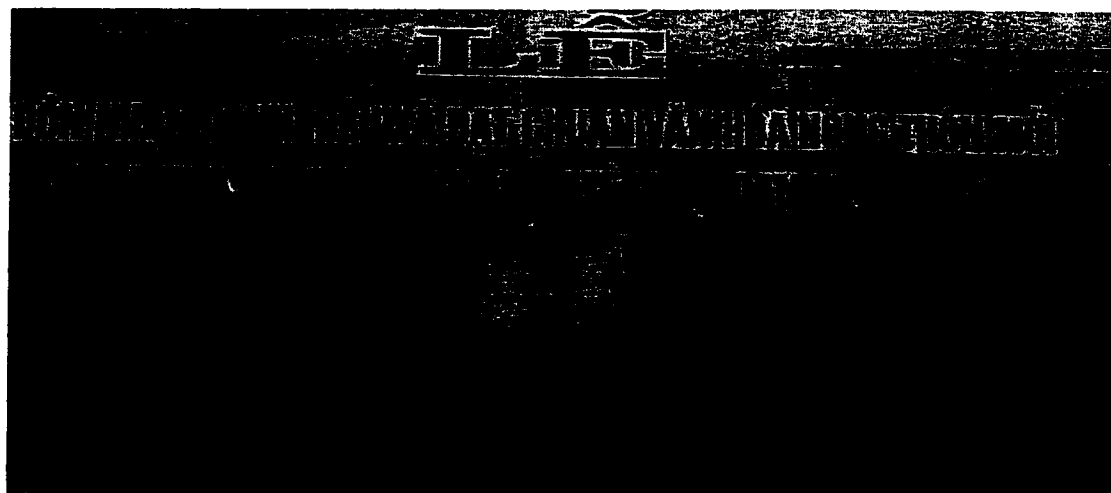
- Trồng trọt: Trong những năm qua sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã đã chuyển dần sang sản xuất hàng hóa, ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghiệp, năng suất sản lượng cây trồng và giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích tăng khá. Tổng diện tích gieo trồng đạt 1.176,2 ha. Trong đó diện tích gieo cấy lúa vụ chiêm xuân là 593 ha, năng suất lúa bình quân đạt 56,21 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt 3196 tấn. Cây Ngô đạt 81,6 ha, năng suất bình quân 78,91 tạ/ha, sản lượng 452,5 tấn. Cây ớt 110,7 ha, giá trị sản xuất đạt 300 triệu đồng/ha. Cây rau màu khác đạt 182,62ha, giá trị đạt 45 triệu đồng/ha. Cây công nghiệp: Cây ăn quả đạt 40 ha; Sản lượng bằng 423 tấn, giá trị đạt 2,01 tỷ đồng. Tổng giá trị ngành trồng trọt đạt 79,085 tỷ đồng, so với năm 2018 đạt 104,6%, so với kế hoạch đạt 97,15%.

- Chăn nuôi: Thực hiện tốt chương trình chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng hàng hóa. Tổng giá trị ngành chăn nuôi năm 2019 đạt 54,345 tỷ đồng, so với năm 2018 đạt 115,56%, trong đó đàn trâu, bò có 1.597 con; Đàn lợn 1.597 con, sản lượng đạt 207 tấn; Đàn gia cầm 87.000 con, sản lượng 310 tấn, giá trị đạt 20,7 tỷ đồng; Nuôi ong lấy mật đạt 2.600 kg, giá trị đạt 0,52 tỷ đồng. Tăng cường chỉ đạo thực hiện tiêm phòng cho gia súc, gia cầm đạt hiệu quả; không để dịch bệnh bùng phát trên địa bàn.

Xã Yên Lâm phát triển mạnh mô hình trang trại; toàn xã có 36 trang trại, trong đó: 09 trang trại chăn nuôi gia súc; 03 trang trại nuôi trồng thủy sản; 24 trang trại tổng hợp (nông, lâm, thủy sản). UBND xã đã tăng cường, tập trung chỉ đạo, phối hợp với nhà thầu xúc tiến xây dựng hạ tầng giao thông, điện phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ trong cụm trang trại chăn nuôi tập trung nhằm mục tiêu thuận lợi áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới trong chăn nuôi để tạo ra số lượng hàng hóa với yêu cầu đủ lớn, đảm bảo chất lượng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Đây là một nguồn lực lớn trong phát triển kinh tế địa phương và thực tế trong thời gian qua đã mang lại nguồn thu ổn định cũng như tạo ra một thị trường vững mạnh trong vùng.

- Ngành lâm nghiệp: Xã đã tập trung chỉ đạo, quan tâm chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng hiện có. Tích cực triển khai cho các hộ dân quan tâm thực hiện cải tạo vườn tạp, đất lâm nghiệp hiệu quả thấp sang trồng cây lâm nghiệp quý, có tiềm năng mang lại hiệu quả lớn cho các hộ sản xuất lâm nghiệp. Chủ động trong việc giao khoán cho một số hộ nhận thầu bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng trên núi đá có cây đọt tiêu chí rừng tự nhiên theo quy định để tăng thu nhập ngành lâm nghiệp. Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp năm 2019 đạt 3,190 tỷ đồng; so với năm 2018 đạt 104,45%, so với kế hoạch năm 2019 đạt 104,39%.

- Ngành thủy sản: Năm 2019 ngành nuôi trồng thủy sản gặp một số khó khăn nhất định, nguyên nhân chủ quan là do một số diện tích ao, hồ phải tháo cạn nước để xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn không đưa vào sản xuất được và nguyên nhân khách quan là do bão số 4 gây ra đã gây thiệt hại cho nhân dân. Tuy nhiên các chủ ao, hồ đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc nuôi trồng thủy sản theo phương châm thực phẩm sạch, đi đôi với mục tiêu đảm bảo vệ sinh nguồn nước. Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2019 là 81 ha, sản lượng đạt 115 tấn; giá trị đạt 4,130 tỷ đồng, so với năm 2018 đạt 110,02%, so với kế hoạch năm 2019 đạt 100,2%.



Lễ đón nhận danh hiệu xã đạt chuẩn nông thôn mới

b) Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

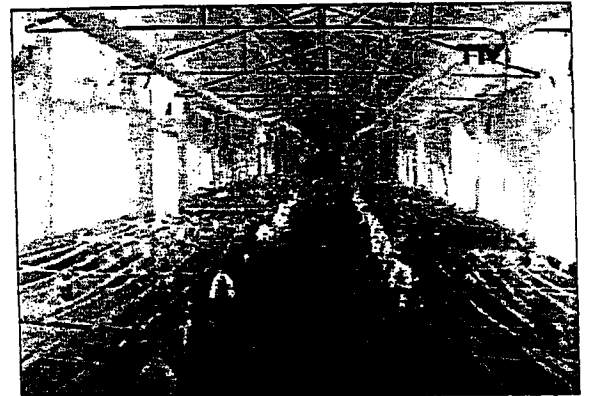
Năm 2019, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2019 đạt 458,394 tỷ đồng; so với năm 2018 đạt 122,3%, so với kế hoạch năm 2019 đạt 100,49% (KH năm 2019 là 456,161 tỷ đồng). Hoạt động của các công ty, doanh nghiệp và các hợp tác xã dịch vụ, tổ hợp đang được mở rộng quy mô sản xuất, doanh thu tăng tạo điều kiện cho hàng nghìn lao động có việc làm thường xuyên với thu nhập từ 05 triệu đồng đến 06 triệu đồng/người/tháng. Trên địa bàn xã có 01 làng nghề khai thác, chế biến đá đã được quy hoạch theo quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND huyện Yên Định với diện tích 217,00 ha. Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn xã là 53 doanh nghiệp đã và đang hoạt động sản xuất kinh doanh; trong đó, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong khu vực làng nghề khai thác chế biến đá là 36 doanh nghiệp (số doanh nghiệp có thủ tục xin cấp mỏ là 36 doanh nghiệp; đã được cấp phép là 36 doanh nghiệp; số còn lại đang hoàn chỉnh thủ tục; số doanh nghiệp hoạt động riêng lĩnh vực chế biến là 36 doanh nghiệp, 18 hộ sản xuất kinh doanh đá). Các doanh nghiệp đã và đang tiếp tục đẩy mạnh phát triển ngành khai thác, chế biến đá làm vật liệu xây dựng; tận thu đá chất lượng tốt để sản xuất đá xẻ; chế tác đá mỹ nghệ phục vụ nhu cầu trong nước, xuất khẩu. Áp dụng công nghệ tiên tiến vào khai thác, chế biến đá nhằm nâng cao giá trị tài nguyên, giảm thiểu tai nạn lao động và hạn chế ô nhiễm môi trường.

c) Thương mại - dịch vụ:

Do có vị trí địa lý và điều kiện môi trường dịch vụ thương mại thuận lợi nên hoạt động thương mại - dịch vụ trong vùng phát triển tốt và đạt được kết quả cao. Năm 2019, Tổng giá trị hàng hóa trên địa bàn năm 2019 đạt 233,306 tỷ đồng; so với năm 2018 đạt 124,99%, so với kế hoạch năm 2019 đạt 100,08% (KH năm 2019 là 233,130 tỷ đồng). Doanh nghiệp tham gia dịch vụ kinh doanh, buôn bán tổng hợp đã từng bước làm thay đổi bộ mặt khu vực; chợ xã Yên Lâm đã được đầu tư xây dựng là chợ loại III và đi vào hoạt động đáp ứng nhu cầu giao lưu buôn bán hàng-hóa của nhân dân trong xã và các xã lân cận; các dịch vụ tín dụng, ngân hàng phát triển và hoạt động hiệu quả, đáp ứng cơ bản nhu cầu vốn cho nhân dân phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo; qua đó góp phần đưa Yên lâm trở thành là một trung tâm tiểu vùng chi phối phát triển mạnh mẽ đến các xã trong khu vực phía Tây Bắc huyện Yên Định và các xã lân cận.



Sản xuất chế biến đá



Trang trại chăn nuôi

3.5.2. Văn hóa - xã hội:

Văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, an sinh xã hội được chăm lo, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện.

a) Giáo dục:

Giáo dục tiếp tục có bước phát triển tích cực; chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao; công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được quan tâm; đội ngũ giáo viên được bổ sung và bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển của sự nghiệp giáo dục; tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng năm sau cao hơn năm trước, cụ thể:

- Số trường học: 03 trường;
- Số trường đạt chuẩn quốc gia: 02 trường;
- Số học sinh: 1.418 học sinh;
- Phổ cập tiểu học: 100%;
- Phổ cập trung học cơ sở: 94,2%;
- Tỷ lệ học sinh đầu tốt nghiệp trung học cơ sở: 100%;
- Tỷ lệ trẻ đến trường đúng tuổi: 100%.

b) Y tế:

Công tác y tế được đảm bảo; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm chỉ đạo; đáp ứng nhu cầu thực hiện các chương trình y tế Quốc gia; đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh, cụ thể:

- Trạm y tế, có 07 nhân viên, 10 giường bệnh, thăm khám, điều trị cho 6.366 lượt người (năm 2019).
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 0,97%;
- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng: 9,22%;
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 92,88%.

c) Văn hóa:

Hoạt động văn hóa phát triển sâu rộng, chất lượng được nâng cao; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội. Phong trào toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư, các phong trào xây dựng thôn, khu phố, cơ quan, đơn vị văn hoá được quan tâm thực hiện; nhà văn hóa – khu thể thao cơ bản đáp ứng được nhu cầu tập luyện thể dục – thể thao của nhân dân, cụ thể:

- Số nhà văn hóa - khu thể thao: 08 nhà văn hóa;
- Tỷ lệ khai trương khu phố, cơ quan, đơn vị văn hóa: 100%;

- Tỷ lệ thôn, cơ quan đạt danh hiệu văn hóa: 100%;
- Tỷ lệ gia đình văn hóa: 95%.

d) Chính sách xã hội:

Công tác chính sách xã hội được chăm lo; đào tạo, giải quyết việc làm cho người lao động được quan tâm; công tác giảm nghèo được chú trọng; chế độ chính sách đối với người có công và an sinh xã hội được thực hiện kịp thời; thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa; quản lý và theo dõi đối tượng hưởng bảo trợ xã hội với gần 407 đối tượng.

3.6. Quốc phòng - an ninh:

Xã Yên Lâm chủ động, thường xuyên xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch quân sự, quốc phòng; tổ chức tốt công tác huấn luyện cho đơn vị dân quân tự vệ; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng; hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân của huyện giao; chế độ trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu được duy trì; triển khai thực hiện hiệu quả phương án phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn. An ninh, trật tự trên địa bàn luôn được đảm bảo ổn định, có nhiều mặt chuyển biến tích cực, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ và các điểm nóng trên địa bàn; hoạt động tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội được kiềm chế; trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng từng bước đi vào nề nếp; công tác xây dựng mô hình tự quản, xây dựng khu dân cư an toàn về an ninh, trật tự thực hiện có hiệu quả.

3.7. Tổ chức hệ thống chính trị:

Xây dựng Đảng được củng cố, tăng cường; công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra, dân vận... được thực hiện nghiêm túc; vai trò của mặt trận và các tổ chức đoàn thể được nâng cao; hoạt động của HĐND và UBND có nhiều đổi mới, công tác giám sát, tiếp xúc cử tri, cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả hoạt, cụ thể:

3.7.1. Đảng bộ:

- Tổng số chi bộ trực thuộc: 13 chi bộ;
- Tổng số đảng viên: 285 đảng viên;
- Ban chấp hành đảng bộ: 13 đồng chí;
- Ban Thường vụ: 05 đồng chí gồm: Bí thư, 02 Phó Bí thư (01 Phó Bí thư chuyên trách và 01 Phó Bí thư phụ trách chính quyền), 02 Ủy viên.

3.7.2. Hội đồng nhân dân:

- Tổng số đại biểu: 27 đại biểu;

- Thường trực HĐND: 02 người;
- Các Ban của HĐND: Ban Pháp chế và Kinh tế - xã hội.
- Cơ cấu, chất lượng đại biểu HĐND xã:
 - + Đảng viên: 24 người; nữ: 07 người;
 - + Trình độ chuyên môn chưa qua đào tạo: 05 người; sơ cấp: 02 người, trung cấp: 03 người; cao đẳng 02 người, đại học: 15 người.
 - + Trình độ lý luận chính trị chưa qua đào tạo: 03 người, sơ cấp: 09 người, trung cấp: 15 người.

3.7.3. UBND có 04 thành viên, gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 02 Ủy viên UBND (xã là đơn vị hành chính loại 2).

3.7.4. Tổ chức chính trị - xã hội:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: 37 thành viên, 08 Ban Công tác Mặt trận;
- Đoàn thanh niên Cộng sản HCM: 1.720 đoàn viên, 10 chi đoàn;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ: 1.120 hội viên, 08 chi hội;
- Hội Cựu chiến binh: 485 hội viên, 08 chi hội;
- Hội Nông dân: 1.195 hội viên, 08 chi hội.

3.7.5. Cán bộ, công chức: 21 người (cán bộ: 10 người, công chức: 11 người); trong đó:

- Đảng viên: 21 người; nữ: 07 người; dân tộc thiểu số: 07 người;
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:
 - + Trung cấp: 01 người;
 - + Cao đẳng: 03 người;
 - + Đại học: 17 người;
 - + Sau đại học: 0 người;
- Trình độ lý luận chính trị:
 - + Sơ cấp: 01 người;
 - + Trung cấp: 20 người;
 - + Cử nhân, cao cấp: 0 người;

3.7.6. Đơn vị sự nghiệp:

- Trường học:
 - + 03 trường (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở), quy mô 44 lớp

+ 93 viên chức đang làm việc, gồm: 08 cán bộ quản lý (3 hiệu trưởng, 05 hiệu phó) và 85 giáo viên, nhân viên;

- Trạm y tế, quy mô 10 giường bệnh, 07 nhân viên y tế.

3.7.7. Số lượng người hoạt động không chuyên trách:

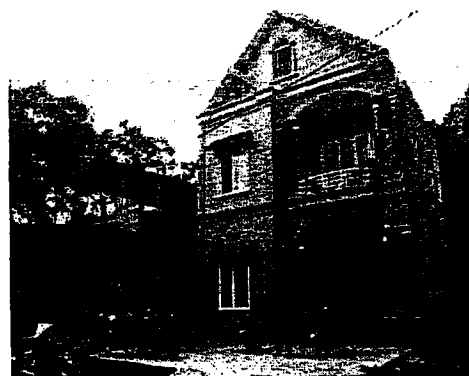
- Ở xã: 10 người;

- Ở các thôn: 44 người.

3.7.8. Tổ chức hội đặc thù, hội xã hội có 10 hội, 4.700 hội viên.

3.8. Phát triển nhà ở và các công trình hạ tầng xã hội:

3.8.1. Nhà ở:



Nhà ở xã Yên Lâm

Hiện trạng nhà ở xã Yên Lâm chủ yếu theo hai dạng chính, với các hộ dân bám trên các trục đường chính, nhà ở theo dạng chia lô cao 1-3 tầng khá khang trang, hình thức kiến trúc hiện đại theo phong cách đô thị; tạo nên diện mạo mới cho không gian xã với phong cách kiến trúc, lối sống đang dần hình thành theo nét sống đô thị. Đối với các hộ dân trên các trục đường ngõ, xóm hầu hết vẫn theo dạng nhà ở nông thôn với một công trình chính để ở và một công trình phụ để chăn nuôi, bếp, vệ sinh và kho.

Tổng số nhà trên địa bàn năm 2019 là 1.521 nhà, trong đó, diện tích sàn nhà ở bình quân cho khu vực đạt 14,3 m² sàn/người; tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố cho khu vực là 97,5%.

3.8.2. Các công trình thương mại dịch vụ:

Các công trình thương mại - dịch vụ đang từng bước được hình thành, hoạt động dịch vụ ngày càng đa dạng, hàng hoá phong phú, giá cả không có biến động lớn, đáp ứng được nhu cầu phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Chợ nông thôn tiếp tục phát triển, hoạt động dịch vụ ngày càng đa dạng, hàng hoá phong phú, phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

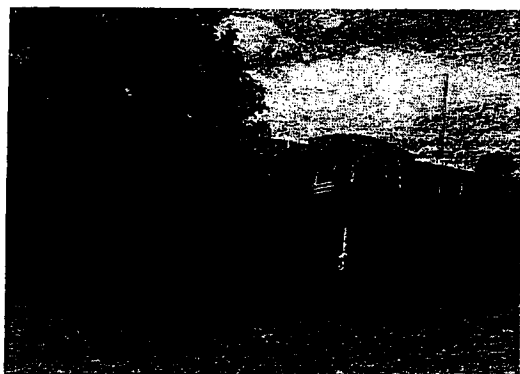
Trên địa bàn xã hiện có chợ Yên Lâm hoạt động theo tập quán của dân cư địa phương mang nét đặc thù riêng, cơ bản đáp ứng nhu cầu giao thương hàng hóa

của người dân.

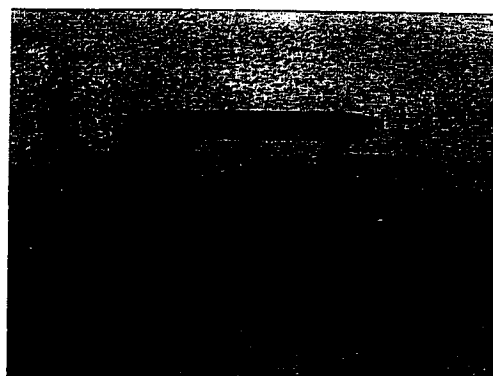
3.8.3. Công trình văn hóa - thể thao:

Nhìn chung, hệ thống công trình văn hóa - thể thao được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, các công trình văn hóa, thể dục thể thao quy mô cấp đô thị đã được đầu tư xây dựng như: sân thể thao trung tâm xã. Tại các khu dân cư công trình văn hóa, thể thao cấp khu ở là các nhà văn hóa thôn kèm các sân thể thao đa năng quy mô nhỏ, cũng đang từng bước được xây dựng kiên cố, khang trang.



Trung tâm văn hóa xã Yên Lâm

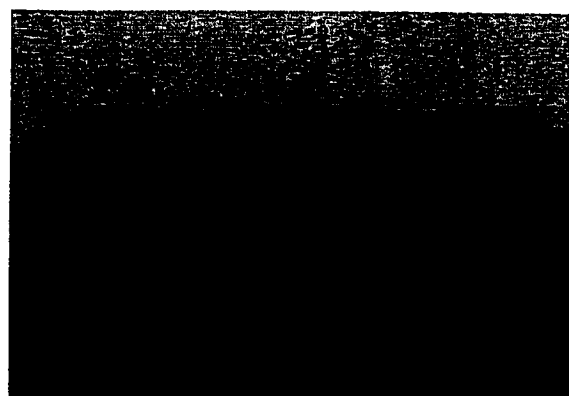
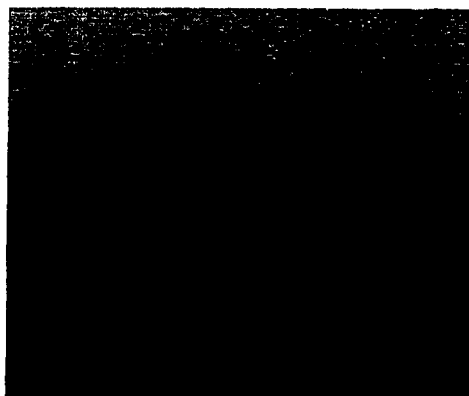


Nhà văn hóa thôn Hành Chính

Xã Yên Lâm đang có kế hoạch, quy hoạch khôi phục Chùa Bụt (Hồ Thắng Long) kết hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng Hồ Thắng Long trở thành khu vực hồ chứa nước phục vụ nông nghiệp gắn với mục đích văn hóa du lịch sinh thái; di tích văn hóa Chùa Cầu May; di tích lịch sử Đền thờ Thái úy Tô Hiến Thành; ngoài ra trong xã Yên Lâm còn có 1 nhà thờ đạo tại thôn Phúc Trí.

3.8.4. Hệ thống trụ sở cơ quan hành chính:

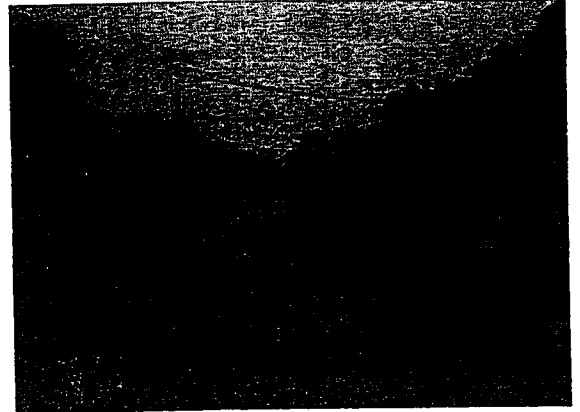
Địa phương đã dành nguồn kinh phí hợp lý đầu tư, xây dựng trung tâm hành chính xã nhằm mục tiêu hiện đại hóa hành chính địa phương. Trung tâm hành chính xã bao gồm: Đảng ủy, HĐND, UBND xã và khối các tổ chức, đoàn thể khác được xây dựng khang trang, chất lượng và hình thức công trình tốt, vị trí là trên trục đường chính của xã (tỉnh lộ 518), thuận lợi cho công tác tổ chức tiếp đón nhân dân, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân trên địa bàn.



Công sở xã Yên Lâm

3.8.5. Tình hình xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Giao thông:



Tuyến đường tỉnh 518, đường trục chính xã

Giao thông thuận lợi do có hai tuyến giao thông chính là Tỉnh lộ 518 và đường đi qua cụm công nghiệp và đi trung tâm huyện. Đường Tỉnh lộ 518 mặt đường rộng 4 – 7 m láng nhựa, nền đường 13,0 m, chiều dài qua khu vực xã là 7,2 km. Đường qua khu vực cụm công nghiệp, mặt đường rộng 5 - 7,5m cấp phối, nền đường 9 - 11,0 m, chiều dài qua khu vực xã là 11,8 km.

Các tuyến đường còn lại là đường liên thôn, chủ yếu là đường đá, đường bê tông, mặt đường rộng 3,0 - 7,0 m.

- Đường đã được cứng hoá (đường nhựa, bê tông): chiều dài 5,69 km.
- Đường chính thôn: chiều dài 13,6 km.
- Đường nhánh nội thôn, ngõ hẻm: 13,31 km.

b) Cấp điện và chiếu sáng công cộng:

- Nguồn cấp điện: Nguồn điện cấp cho khu vực lấy từ trạm biến áp Thiệu Yên - Yên Trung.

- Lưới điện 35 KV khu vực: Lưới điện 35 KV được đầu tư nâng cấp đảm bảo cấp điện cho sinh hoạt và cụm công nghiệp Dây dẫn là dây trần AC-70-50 đi trên cột ly tâm cao 12 -14 m. Tuyến điện đi theo hành lang giao thông, chạy theo hướng Bắc Nam; Đông Tây.

- Hệ thống trạm biến áp: Hiện tại trong giới hạn nghiên cứu quy hoạch có tất cả 34 trạm biến áp với tổng công suất là 21.520 KVA, các trạm là dạng treo, trong đó có 29 trạm biến áp trong cụm công nghiệp. Đảm bảo cấp điện cho các nhu cầu của xã trong giai đoạn trước mắt.

- Hệ thống lưới điện 0,4 KV, gồm:

+ Hệ thống dây dẫn tiêu thụ 0,4 KV đến các hộ dùng điện được chia làm nhiều dạng khác nhau:

- Loại dọc các tuyến đường chính trung tâm xã được đầu tư tương đối đồng bộ, dây dẫn được bố trí đi trên các cột điện ly tâm cao 10 -12 m, hay các cột điện chữ A, mật độ cột và dây là tương đối đảm bảo.

- Loại còn lại là dọc các tuyến đường trong khu dân cư, dây dẫn đa dạng tùy vào điều kiện của các hộ, dây dẫn được đi trên cột điện có những nơi kết hợp treo dây là các cây cao dọc tuyến.

- Đường trục giao thông đối ngoại được chiếu sáng 100%, hệ thống đường chính được chiếu sáng 90,03%; Tỷ lệ chiếu sáng đường phụ, đường làng ngõ xóm được chiếu sáng là 72,5%.

c) Cấp nước:

Hiện tại có khoảng 97,95% người dân đang sử dụng nước hợp vệ sinh, từ nguồn nước mưa, nước giếng khoan có lọc và xử lý. Xã đã được triển khai dự án cấp nước sạch từ nguồn nước lấy từ nhà máy nước Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy theo Quyết định số 3650/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình dự án cấp nước sạch cho xã Cẩm Vân, xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy và xã Yên Lâm, huyện Yên Định.

d) Hệ thống viễn thông:

Hiện tại hệ thống thông tin liên lạc, truyền thanh đã được đầu tư, xã có 01 điểm bưu điện văn hoá xã được xây dựng kiên cố, đường dây liên lạc hữu tuyến 11,7 km đến tất cả các thôn; số cơ sở dịch vụ viễn thông trên địa bàn xã là 05 đảm bảo thuận lợi đáp ứng nhu cầu về dịch vụ và vật tư cho thông tin liên lạc của nhân dân. Hệ thống internet ở các thôn với tỷ lệ khoảng 95 thuê bao internet/100 dân; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động đạt 100%.

e) Vệ sinh môi trường:

- Thoát nước, xử lý nước thải đô thị:

Xã Yên Lâm có môi trường sinh thái tương đối tốt; nước thải và nước mưa đi chung cùng hệ thống mương, công rãnh, chủ yếu thoát tự chảy.

Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh đều có hệ thống xử lý chất thải trước khi thoát ra hệ thống thoát nước thải chung của xã. Các trang trại chăn nuôi được bố trí tập trung, xa khu dân cư và hầu hết có hệ thống xử lý chất thải.

- Thu gom, xử lý chất thải, nhà tang lễ:

Công tác giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn đang được chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo. Hiện nay, trên toàn khu vực có 2 tổ của các thôn thu

gom rác thải vệ sinh môi trường với 06 công nhân viên, xe chở rác các loại tương đối tốt; chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là chất thải rắn hữu cơ được tận dụng để tái sử dụng như: làm thức ăn chăn nuôi, ủ làm phân hoặc đốt thành tro, phần không sử dụng được thì được thu gom đưa về bãi rác.

Xã có 05 khu nghĩa địa phục vụ cho các thôn khác nhau, các nghĩa địa nằm phân tán gắn với các khu vực thôn làng hiện trạng; đa số người dân vẫn sử dụng hình thức mai táng truyền thống.

g) Kiến trúc, cảnh quan đô thị:

- Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: Đô thị Yên Lâm đã có quy định quản lý đô thị theo quy hoạch chung xây dựng và quy định quản lý kiến trúc cảnh quan; thực hiện quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị tới từng công trình, tuyên phổ theo Nghị định số 38/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tuyên phổ văn minh đô thị: Quá trình tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Đô thị Yên Lâm đó làm thay đổi bộ mặt đô thị, từng bước phát triển theo hướng một đô thị hiện đại, văn minh, hình thành một số tuyến đường chính hài hòa, đảm bảo vệ sinh môi trường, trật tự đô thị và an toàn giao thông. Hiện nay các tuyến đường chính trên địa bàn chưa được đánh giá đạt tiêu chí tuyên phổ văn minh đô thị.

- Công viên cây xanh và không gian công cộng đô thị: Xã Yên Lâm có 02 không gian công cộng: khuôn viên thuộc trung tâm văn hóa xã và diêm buru điện văn hóa xã; tại tất cả thôn đều có ít nhất 01 sân thể thao hỗn hợp.

II. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN ĐỂ THÀNH LẬP THỊ TRẤN

1. Điều kiện thành lập thị trấn

1.1. Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, quy hoạch, chương trình phát triển đô thị:

Tại Quyết định số 4496/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chung đô thị Quý Lộc đến năm 2025 và Quyết định số 4656/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh công nhận xã Quý Lộc đạt tiêu chuẩn đô thị loại V có phạm vi quy hoạch đô thị và công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Quý Lộc; Quyết định số 4873/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chung đô thị Yên Lâm đến năm 2030 và Quyết định số 4901/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh công nhận xã Yên Lâm đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; phạm vi quy hoạch đô thị và công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Yên Lâm. Đồng thời, tại Quyết định số 1252/QĐ-

UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh phê duyệt chương trình phát triển đô thị giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2021 – 2030 đã đề ra lộ trình, kế hoạch thành lập các thị trấn Quý Lộc, Yên Lâm. Do đó, thành lập các thị trấn Quý Lộc, Yên Lâm là phù hợp với chương trình phát triển đô thị, quy hoạch đô thị đã được phê duyệt và phạm vi đã được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

1.2. Bảo đảm lợi ích chung, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở:

Thành lập thị trấn Quý Lộc, thị trấn Yên Lâm trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã không phải là trường hợp chia tách nên không làm giảm tiềm năng, lợi thế của các đơn vị hành chính, nên đảm bảo lợi ích chung của địa phương, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn.

Thành lập thị trấn Quý Lộc, thị trấn Yên Lâm không phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế; là cơ sở để tổ chức chính quyền đô thị thay cho chính quyền nông thôn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cơ sở.

1.3. Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội:

Thành lập thị trấn là tiền đề để xác định địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự làm cơ sở kiện toàn lại tổ chức của lực lượng quân sự, bố trí lực lượng công an chính quy, bảo vệ dân phố nên sẽ góp phần củng cố, đảm bảo yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

1.4. Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương:

Thành lập thị trấn Quý Lộc, thị trấn Yên Lâm trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của các xã nhận được sự đồng thuận của nhân dân, góp phần đảm bảo đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa.

2. Đánh giá tiêu chuẩn đơn vị hành chính thị trấn

2.1. Xã Quý Lộc:

2.1.1. Quy mô dân số:

Xã Quý Lộc có quy mô dân số 15.008 người, gồm:

- Dân số thường trú: 13.840 người;
- Dân số tạm trú quy đổi: 1.168 người là công nhân các nhà máy, người lao động và khách đến xã trong năm.

Đánh giá: Đạt (quy định từ 8.000 người trở lên).

2.1.2. Diện tích tự nhiên:

Xã Quý Lộc có diện tích tự nhiên 13,56 km².

Theo Khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 1211 quy định diện tích tự nhiên đơn vị hành chính thị trấn là 14 km² trở lên. Tuy nhiên, tại điểm c khoản 2 điều 31 Nghị quyết này cũng quy định việc thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở một đơn vị hành chính cùng cấp mà không làm tăng đơn vị hành chính thì không áp dụng tiêu chuẩn về diện tích. Do đó, việc thành thị trấn Quý Lộc trên cơ sở nguyên trạng xã Quý Lộc đã đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

2.1.3. Được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V:

Toàn bộ xã Quý Lộc được công nhận đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V theo Quyết định số 4656/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh.

Đánh giá: Đạt.

2.1.4. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế:

- Cân đối thu chi ngân sách dư: Thu ngân sách: 9,1 tỷ đồng; chi ngân sách: 9,0 tỷ đồng. Đánh giá: Đạt (quy định cân đối đủ trở lên).

- Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất của xã là 3,04%; tỷ lệ hộ nghèo của huyện là 3,53%. Đánh giá: Đạt (quy định đạt từ bình quân của huyện trở xuống).

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của xã đạt 68% (6.028 lao động phi nông nghiệp/8.898 lao động). Đánh giá: Đạt (quy định từ 65% trở lên).

2.2. Xã Yên Lâm:

2.2.1. Quy mô dân số:

Xã Yên Lâm có quy mô dân số 8.683 người, gồm:

- Dân số thường trú: 7.117 người;

- Dân số tạm trú quy đổi: 1.566 người là công nhân các nhà máy, người lao động và khách đến xã trong năm, quy đổi theo công thức $N_o = (2N_t \times m)/365$.

Đánh giá: Đạt (quy định từ 8.000 người trở lên).

2.2.2. Diện tích tự nhiên.

Xã Yên Lâm có diện tích tự nhiên 17,25 km².

Đánh giá: Đạt (quy định từ 14 km² trở lên).

2.2.3. Được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

Toàn bộ xã Yên Lâm được công nhận đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V theo Quyết định số 4901/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh.

Đánh giá: Đạt.

2.2.4. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế.

- Cân đối thu chi ngân sách dự: Thu ngân sách: 16,98 tỷ đồng; chi ngân sách: 16,35 tỷ đồng. Đánh giá: Đạt (quy định cân đối đủ trở lên).

- Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất của xã là 3,47%; tỷ lệ hộ nghèo của huyện là 3,53%. Đánh giá: Đạt (quy định đạt từ bình quân của huyện trở xuống).

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của xã đạt 81,80% (3.767 lao động phi nông nghiệp/ 4.605 lao động). Đánh giá: Đạt (quy định từ 65% trở lên).

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN QUÝ LỘC, THỊ TRẤN YÊN LÂM

I. HIỆN TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN

1. Hiện trạng huyện Yên Định

Huyện Yên Định có tổng diện tích tự nhiên 228,83 km²; dân số 165.830 người; 26 đơn vị, gồm 24 xã: Yên Phú, Yên Trường, Yên Thọ, Yên Thịnh, Yên Lâm, Yên Tâm, Quý Lộc, Yên Trung, Yên Hùng, Yên Thái, Yên Ninh, Yên Lạc, Yên Phong, Định Tăng, Định Hưng, Định Hải, Định Tân, Định Bình, Định Hòa, Định Tiến, Định Thành, Định Công, Định Liên, Định Long và 02 thị trấn: Quán Lào, Thống Nhất.

Địa giới hành chính: phía Đông giáp các huyện Hà Trung, Hoằng Hóa; phía Tây giáp huyện Ngọc Lặc; phía Nam giáp các huyện: Thọ Xuân, Thiệu Hóa; phía Bắc giáp các huyện: Cẩm Thủy, Vĩnh Lộc.

2. Hiện trạng đơn vị hành chính có liên quan

2.1. Xã Quý Lộc:

- Diện tích tự nhiên 14,05 km².
- Quy mô dân số 15.008 người.
- Số thôn: 10 thôn; gồm: Thôn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.
- Địa giới hành chính: Phía Đông giáp huyện Vĩnh Lộc; phía Tây giáp xã Yên Lâm; phía Nam giáp xã Yên Thọ; phía Bắc giáp huyện Cẩm Thủy.

2.2. Xã Yên Lâm:

- Diện tích tự nhiên: 17,25 km².

- Quy mô dân số 8.683 người.

- Số thôn: 8 thôn, gồm: Cao Khánh, Phúc Trí, Quan Trì, Phong Mỹ, Đông Sơn, Diệu Sơn, Thăng Long, Hành Chính.

- Địa giới hành chính: Phía Đông giáp các xã Quý Lộc, Yên Thọ; phía Tây giáp thị trấn Thống Nhất và huyện Ngọc Lặc; phía Nam giáp xã Yên Tâm; phía Bắc giáp huyện Cẩm Thủy.

II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN QUÝ LỘC VÀ THỊ TRẤN YÊN LÂM

1. Phương án thành lập thị trấn Quý Lộc

Thành lập thị trấn Quý Lộc trên cơ sở toàn bộ 13,56 km² diện tích tự nhiên và 15.008 người của xã Quý Lộc.

Trụ sở làm việc của thị trấn Quý Lộc: giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Quý Lộc hiện có.

2. Phương án thành lập thị trấn Yên Lâm

Thành lập thị trấn Yên Lâm trên cơ sở toàn bộ 17,25 km² diện tích tự nhiên và 8.683 người của xã Yên Lâm.

Trụ sở làm việc của thị trấn Yên Lâm: giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Yên Lâm hiện có.

III. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG

1. Huyện Yên Định

Huyện Yên Định có tổng diện tích tự nhiên 228,83 km²; dân số 165.830 người; 26 đơn vị, gồm 22 xã: Yên Phú, Yên Trường, Yên Thọ, Yên Thịnh, Yên Tâm, Yên Trung, Yên Hùng, Yên Thái, Yên Ninh, Yên Lạc, Yên Phong, Định Tăng, Định Hưng, Định Hải, Định Tân, Định Bình, Định Hòa, Định Tiến, Định Thành, Định Công, Định Liên, Định Long và 04 thị trấn: Quán Lào, Thống Nhất (tăng 02 thị trấn, giảm 02 thị trấn).

2. Các thị trấn sau khi thành lập

2.1. Thị trấn Quý Lộc:

Thị trấn Quý Lộc có 13,56 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.008 người; gồm 10 tổ dân phố.

Địa giới hành chính thị trấn Quý Lộc: Phía Đông giáp huyện Vĩnh Lộc; phía Tây giáp thị trấn Yên Lâm; phía Nam giáp xã Yên Thọ; phía Bắc giáp huyện Cẩm Thủy.

2.2. Thị trấn Yên Lâm:

Thị trấn Quý Lộc có 17,25 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 8.683 người; gồm 08 tổ dân phố.

Địa giới hành chính thị trấn Yên Lâm: Phía Đông giáp thị trấn Quý Lộc và xã Yên Thọ; phía Tây giáp thị trấn Thống Nhất và huyện Ngọc Lặc; phía Nam giáp xã Yên Tâm; phía Bắc giáp huyện Cẩm Thủy.

Phần thứ tư

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Tác động về tổ chức bộ máy, quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực:

Thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã nên không làm phát sinh tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp ... Mặt khác, theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, cơ cấu tổ chức giữa chính quyền thị trấn và xã không khác biệt, chỉ khác nhau về nhiệm vụ, quyền hạn nên tổ chức bộ máy hệ thống chính trị thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm giữ ổn định như hiện nay, ít bị tác động. Theo đó, HĐND thị trấn có Chủ tịch (kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch (chuyên trách), Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - xã hội; UBND thị trấn có Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 Ủy viên và các chức danh công chức (chức danh Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường đối thành Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường).

Thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm là tiền đề để tổ chức, thiết lập chính quyền đô thị - thị trấn thay cho chính quyền nông thôn - xã, thể hiện quá trình và mức độ đô thị hóa cao hơn, với những chức năng, nhiệm vụ có riêng biệt (giữa thị trấn và xã), phù hợp với loại đơn vị hành chính đang trong quá trình đô thị hóa nhanh, nên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là trên các lĩnh vực về xây dựng, đô thị, quy hoạch, kiến trúc, dân cư, cảnh quan, môi trường, quản lý dân cư, bảo đảm an ninh trật tự xã hội.

Tổ chức, hoạt động của các thôn hiện nay được kiện toàn thành các tổ dân phố cho phù hợp với đơn vị hành chính thị trấn; ổn định số lượng tổ dân phố (do

đã thực hiện việc sáp nhập thôn, tổ dân phố theo đề án của tỉnh) không chia tách hay thành lập mới nên không làm tăng số lượng do thành lập thị trấn.

1.2. Những bản khoản lo lắng:

Sau khi thành lập thị trấn, Công an tỉnh sẽ xây dựng phương án điều động cán bộ, chiến sỹ từ các đơn vị, địa phương khác trong toàn lực lượng của Công an tỉnh đến làm nhiệm vụ tại địa phương, không làm tăng biên chế do thành lập tổ chức mới. Trong mắt, bố trí nơi làm việc cùng trong công sở của thị trấn (đã được xây dựng mới, rộng rãi) nên không làm phát sinh kinh phí xây dựng trụ sở.

Đối với lực lượng công an xã dôi dư, thực hiện bố trí, sắp xếp công việc hoặc giải quyết chính sách theo quy định và thực tế của địa phương.

2. Tác động đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

2.1. Tác động tích cực:

Thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm không phải là trường hợp chia tách để thành lập đơn vị hành chính mới nên không làm phát sinh biên chế hay làm tăng số lượng cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp... trên địa bàn thị trấn.

2.2. Những bản khoản lo lắng:

Do chuyển từ chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị nên bước đầu đội ngũ cán bộ, công chức xã hiện nay không khỏi lúng túng do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý (xã - thị trấn); cần phải có giải pháp đào tạo, bồi dưỡng để trang bị kỹ năng, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ này như bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền đô thị; quản lý quy hoạch, đô thị, cơ sở hạ tầng, trật tự xây dựng, kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị, quản lý dân cư.

3. Tác động đến phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh

3.1. Tác động tích cực:

Thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm nên không làm chia nhỏ, phân tán nguồn lực đầu tư hay làm giảm tiềm năng lợi thế trong phát triển của thị trấn. Đồng thời việc không phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế nên không làm tăng kinh phí chi thường xuyên cho bộ máy hành chính; nguồn lực công này sẽ được thị trấn tập trung cho đầu tư cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển sản xuất. Ngoài ra, các cơ chế chính sách trong thu hút đầu tư, môi trường sản xuất, kinh doanh đối với đơn vị hành chính thị trấn không có thay đổi bất lợi so với đơn vị hành chính xã. Mặt khác, từ đánh giá tổng kết công tác thành lập các đơn vị hành chính đô thị ở tỉnh Thanh Hóa và qua quá trình nghiên cứu tại một số đô thị ở các

ting khác được thành lập trong những năm gần đây, thì các đô thị này đều có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, giữ vị trí là trung tâm, động lực phát triển của khu vực hoặc vùng. Như vậy, có thể thấy đây là những minh chứng khẳng định việc thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm có tác động tích cực, không ảnh hưởng tới tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút vốn đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất.

Sau khi thành lập, với tên gọi là thị trấn (thay cho xã) sẽ tạo sức hấp dẫn trong kêu gọi thu hút vốn đầu tư, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ, góp phần tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao giá trị sản xuất, tạo ra việc làm, thu hút lao động, nâng cao đời sống của người dân thị trấn. Dự kiến trong giai đoạn tới, tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân của thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm đạt mục tiêu; cơ cấu ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch chiếm tỷ trọng chủ yếu; thu ngân sách đạt chỉ tiêu; thu nhập bình quân đầu người đạt khá trở lên.

3.2. Những băn khoăn lo lắng:

Thành lập thị trấn không hình thành các cơ chế, chính sách kinh tế bất lợi, hay tác động xấu đến các tiềm năng, nguồn lực phát triển, lực lượng lao động nên chưa thấy hạn chế của việc thành lập thị trấn tới phát triển kinh tế.

Đối với nhu cầu nguồn vốn đầu tư là nhu cầu cần thiết, tất yếu và là quá trình lâu dài để đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, du lịch, dịch vụ; không do nguyên nhân từ thành lập thị trấn mà làm phát sinh vốn đầu tư.

4. Tác động đến văn hóa, xã hội và cuộc sống nhân dân

4.1. Tác động tích cực:

Thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và dân số của xã Quý Lộc nên không ảnh hưởng đến các thiết chế và đặc trưng văn hóa địa phương, phong tục tập quán, cũng như tác động xấu đến danh lam thắng cảnh, làm xáo trộn đến đời sống dân cư.

Hiệu ứng của việc thành lập thị trấn và quá trình phát triển kinh tế, phát triển đô thị sẽ tạo điều kiện để đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, văn hóa phục vụ nhân dân, góp phần cho phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết việc làm, đời sống tinh thần của nhân dân được quan tâm và cải thiện ngày một tốt hơn, hình thành lối sống văn minh, hiện đại.

4.2. Những băn khoăn lo lắng:

Tốc độ đô thị hóa nhanh, phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và sự gia tăng dân số cơ học sẽ tạo áp lực lên các lĩnh vực giáo dục, y tế, việc làm...; các trào lưu văn hóa tiêu cực cũng có điều kiện xâm nhập tác động đến

các thiết chế văn hóa – xã hội; làm thay đổi lối sống và cách sống từ nông thôn sang thành thị; nguy cơ về tệ nạn xã hội cũng tăng. Vì vậy, cấp ủy, chính quyền địa phương sẽ nỗ lực và đề ra các giải pháp trong công tác quản lý để đáp ứng tốt nhất yêu cầu về giáo dục đào tạo, y tế, việc làm... của nhân dân; thường xuyên tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, không ngừng phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa tốt đẹp của địa phương.

Thành lập thị trấn nên địa chỉ liên lạc của tổ chức, công dân và các giấy tờ cá nhân sẽ thay đổi, ảnh hưởng đến liên lạc và giao dịch; do đó từng bước phải được thay đổi cho phù hợp; UBND huyện Yên Định và UBND thị trấn Quý Lộc, Yên Lâm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công dân, tổ chức trong việc cấp đổi các giấy tờ này; đảm bảo tiết kiệm thời gian và không thu phí của người dân.

5. Tác động đến phát triển đô thị

5.1. Tác động tích cực:

Thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm phù hợp với các quy hoạch, định hướng phát triển hệ thống đô thị huyện nói riêng và của tỉnh nói chung; tạo điều kiện để rà soát, tổ chức hợp lý các khu chức năng, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, khuôn viên công cộng, cây xanh đô thị... ; từ đó có tác động đến việc thu hút, lao động, thúc đẩy sản xuất kinh doanh dịch vụ, tạo ra sự cân đối trong việc phân bố dân cư giữa các khu vực trên địa bàn thị trấn.

Đồng thời, thành lập thị trấn là bước cụ thể hóa Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị, Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2021 – 2030, Quyết định số 4496/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chung đô thị Quý Lộc và Quyết định số 4873/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chung đô thị Yên Lâm, huyện Yên Định.

5.2. Những băn khoăn lo lắng:

Đô thị Quý Lộc đang có bước phát triển trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch, cơ sở hạ tầng, khu dân cư nên công tác quản lý đô thị không theo kịp quá trình phát triển có thể dẫn đến thiếu đồng bộ, không thống nhất trong phát triển đô thị.

6. Tác động đến vệ sinh môi trường

6.1. Tác động tích cực:

Hiện nay, công tác xử lý vệ sinh môi trường ở xã Quý Lộc cơ bản được bảo đảm bảo cho yêu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt. Vì vậy, thành lập thị trấn ít thấy tác động xấu đến vệ sinh môi trường.

6.2. Những băn khoăn lo lắng:

Sự gia tăng số lượng khách du lịch, số lao động công nghiệp đến địa phương làm tăng lượng nước thải, rác thải sinh hoạt; quá trình đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình dân dụng, sản xuất, khai thác khoáng sản cũng làm tăng lượng rác thải công nghiệp, bụi và tiếng ồn; những yếu tố này làm tăng nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nếu không được quản lý và có giải pháp xử lý tốt.

7. Tác động về quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

7.1. Tác động tích cực:

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên nguồn lực để phát triển đô thị đạt tiêu chuẩn, tiêu chí của thành lập thị trấn, đã một lần nữa khẳng định quan điểm, chủ trương trong việc tập trung phát triển kinh tế, phát triển đô thị gắn với tăng cường bảo đảm quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.

Thành lập thị trấn là tiền đề để xác định địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự, làm cơ sở kiện toàn lại tổ chức của lực lượng quân sự, bố trí lực lượng công an chính quy, bảo vệ dân phố nên sẽ góp phần củng cố, đảm bảo yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

8.2. Những băn khoăn lo lắng:

Sự gia tăng dân số cơ học cùng với đó là lượng khách du lịch, lao động công nghiệp đến địa phương; khách đến làm việc, giao dịch tại các nhà máy, nhà xưởng, điểm chăn nuôi tập trung, hộ kinh doanh cá thể gây áp lực lên công tác bảo vệ an ninh trật tự. Vì vậy, sau khi thành lập thị trấn, lực lượng công an chính quy tăng thêm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo đảm an ninh trật tự; cùng với đảng bộ, chính quyền và nhân dân thị trấn thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý hộ tịch, dân cư, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự trên địa bàn.

II. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC THỊ TRẤN

1. Mục tiêu, định hướng phát triển thị trấn Quý Lộc

1.1. Mục tiêu phát triển:

Tổ chức thực hiện hiệu quả việc phát triển thị trấn Quý Lộc theo mục tiêu đã đề ra trong Quy hoạch kinh tế - xã hội, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Yên Định, Quy hoạch đô thị đã được phê duyệt nhằm phát triển thị trấn Quý Lộc trở thành trung tâm dịch vụ, thương mại, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; là đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc huyện Yên Định. Cụ thể một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 21,6%; trong đó: dịch vụ tăng 9,1%; công nghiệp - xây dựng tăng 7,5%; nông - lâm - ngư nghiệp tăng 5%;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 9%/năm;
- Cơ cấu các ngành kinh tế trong giá trị sản xuất: ngành thương mại - dịch vụ 41,16%; công nghiệp - xây dựng 34,84%; nông - lâm - ngư nghiệp 23.%;
- Sản lượng lương thực có hạt đạt 11 000 tấn;
- Giá trị sản xuất trên 1 ha đạt 150,7 triệu đồng;
- Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 7,5 tỷ đồng;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 52,8 triệu đồng/người/năm;
- Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 12% trở lên;
- Tốc độ tăng dân số hàng năm là 0,64%;
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 100%;
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm còn 3,5 %;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm dưới 0,5%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 81%;
- Số người được giải quyết việc làm mới 350 người;
- Tỷ lệ các thôn văn hóa đạt trên 90%;
- Tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 0,2%;
- Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số được dùng nước hợp vệ sinh đạt 100%;
- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt trên 35%;
- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt đô thị, chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn nguy hại được thu gom và xử lý theo tiêu chuẩn môi trường đạt 95%;
- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đảm bảo quy định vệ sinh môi trường đạt 100%;
- Tỷ lệ nhà kiến cố đạt, bán kiên cố đạt 100%;
- Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt 29.87 m²/người;
- Diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 306,29 ha;
- Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100%;
- Tỷ lệ diện tích đô thị được tiêu, thoát nước không bị ngập vào mùa mưa đạt trên 90%;

1.2. Định hướng phát triển:

Phát triển thị trấn Quý Lộc dựa trên cơ sở khai thác triệt để lợi thế về vị trí và mối liên hệ vùng cộng với sức mạnh nội lực vốn có của địa phương để hình thành một trung tâm tiểu vùng phát triển của khu vực phía Tây Bắc huyện Yên Định; kết nối để tạo sự tiếp cận tối ưu từ các tuyến giao thông quan trọng như đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 45, Quốc lộ 217, tuyến nối các khu di tích và các tuyến tỉnh lộ khác; tạo dựng điểm dừng hấp dẫn về du lịch - dịch vụ trên tuyến đường kết nối khu di tích Thành Nhà Hồ với khu di tích Lam Kinh; khai thác triệt để các cơ sở hạ tầng đã được đầu tư xây dựng nhằm giảm mức đầu tư và phù hợp với tình hình phát triển thực tế của địa phương.

2. Mục tiêu, định hướng phát triển thị trấn Yên Lâm

2.1. Mục tiêu phát triển:

Tổ chức thực hiện hiệu quả việc phát triển thị trấn Yên Lâm theo mục tiêu đã đề ra trong Quy hoạch kinh tế - xã hội, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Yên Định, Quy hoạch đô thị đã được phê duyệt nhằm phát triển thị trấn Yên Lâm trở thành trung tâm kinh tế - xã hội phía Tây Bắc huyện Yên Định với chức năng công nghiệp (vật liệu xây dựng) kết hợp dịch vụ hỗ trợ nghề đá, dịch vụ thương mại đầu mối giao thông quan trọng, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội tiểu vùng Tây Bắc huyện. Cụ thể một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt từ 21,5%; trong đó: Dịch vụ tăng 25,3%; công nghiệp - xây dựng tăng 22,95 %; nông - lâm - ngư nghiệp tăng 6,8%;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 17%/năm;
- Cơ cấu các ngành kinh tế trong giá trị sản xuất: ngành thương mại - dịch vụ 23,58%; công nghiệp - xây dựng 63,62%; nông - lâm - ngư nghiệp 12,8%;
- Sản lượng lương thực có hạt đạt 3.900 tấn;
- Giá trị sản xuất trên đơn vị canh tác đạt 154 triệu đồng/ha/năm trở lên;
- Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 208,018 tỷ đồng trở lên;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 78,78 triệu đồng/người/năm;
- Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 15% trở lên;
- Tốc độ tăng dân số hàng năm đạt 0,9% trở xuống;
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 100%;
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm còn 9,0%;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,5% trở xuống;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75% trở lên;
- Số người được giải quyết việc làm mới 180 người trở lên;
- Tỷ lệ các khu phố văn hóa đạt trên 80%;
- Tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 0,2%;
- Tỷ lệ dân số được dùng nước hợp vệ sinh đạt 100%;
- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt trên 35%;
- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt đô thị, chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn nguy hại được thu gom và xử lý theo tiêu chuẩn môi trường đạt 95%;
- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đảm bảo quy định vệ sinh môi trường đạt 100%;
- Tỷ lệ nhà kiến cố đạt, bán kiên cố đạt 100%;
- Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt 29,2 m²/người;
- Diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 260 ha;
- Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100%;
- Tỷ lệ diện tích đô thị được tiêu, thoát nước không bị ngập vào mùa mưa đạt trên 70%.

2.2. Định hướng phát triển:

Phát triển thị trấn Yên Lâm về phía Tây Nam đường tỉnh 518 bao gồm các khu dân cư mới, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo các tiêu chí đô thị loại V. Khu vực dân cư hiện trạng ổn định, hạn chế xáo trộn, cải tạo, chỉnh trang các khu vực dân cư hiện trạng, từng-bước nâng cấp, bổ sung hệ thống kỹ thuật theo các tiêu chí đô thị loại V. Dự kiến sử dụng đất của đô thị theo từng giai đoạn quy hoạch. Xác định hệ thống các trung tâm; vị trí, phạm vi, quy mô các khu chức năng trong đô thị; các khu hiện có phát triển ổn định; các khu cần chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp; các khu cần bảo tồn, tôn tạo; các khu chuyển đổi chức năng; các khu quy hoạch xây dựng mới; các khu cấm xây dựng và các khu vực dự kiến phát triển mở rộng đô thị; dự kiến các khu vực xây dựng các công trình ngầm dưới mặt đất trong đô thị.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN SAU KHI THÀNH LẬP THỊ TRẤN

1. Về kinh tế

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thương mại dịch vụ - công nghiệp, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tăng thu nhập

binh quân hàng năm; giải quyết tốt việc làm thường xuyên cho người lao động; đồng thời xây dựng cơ sở kinh tế sản xuất, dịch vụ đầy đủ, có năng lực hoạt động cao làm động lực của quá trình đô thị hóa và phát triển bền vững.

Thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu giao hàng năm gắn với chi ngân sách đảm bảo cân đối tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện công khai, dân chủ trong việc lập, chấp hành và quyết toán ngân sách; tăng cường công tác kiểm tra kịp thời chấn chỉnh chế độ thu, chi ngân sách theo Luật Ngân sách nhà nước.

a) Công nghiệp - xây dựng: Chuyển đổi mô hình tăng trưởng công nghiệp từ chỗ dựa chủ yếu vào các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, công nghiệp khai thác và chế biến nguyên liệu tự nhiên sang mô hình phát triển công nghiệp có chọn lọc chủ yếu dựa vào các ngành công nghiệp sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao, chế biến sâu, sản xuất sạch, sử dụng tiết kiệm năng lượng kết hợp với phát triển hợp lý các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động. Tiến tới là trung tâm công nghiệp sạch, công nghệ cao của tỉnh và khu vực.

b) Thương mại - dịch vụ và du lịch: Phát triển nhanh và đa dạng các loại hình dịch vụ nhằm đưa dịch vụ trở thành ngành tạo ra nhiều việc làm và đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế. Phát triển lĩnh vực thương mại của thị trấn theo hướng trở thành trung tâm giao lưu các luồng hàng hóa giữa các khu vực Tây Bắc của huyện với các huyện giáp ranh. Lập quy hoạch đầu tư nâng cấp, xây dựng hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, chợ truyền thống. Đa dạng các loại hình vận tải, kết hợp phát triển vận tải đường bộ với đường thủy; khai thác thế mạnh hệ thống vận tải đường sông để mở rộng vận tải thủy nội địa; phát triển các tuyến vận tải hành khách, kết hợp với phát triển du lịch.

c) Nông, lâm, ngư nghiệp: Phát triển toàn diện, xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch hướng tới xuất khẩu, tăng nhanh giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích gắn với bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, phối hợp với các công ty giống, các trung tâm khoa học kỹ thuật nông nghiệp, công ty phân bón thuốc bảo vệ thực vật mở các lớp tập huấn kỹ thuật cho nông dân tham gia sản xuất mô hình cây con, giống mới, kỹ thuật phòng chống dịch bệnh cho cây trồng vật nuôi. Đồng thời, khuyến khích thực hiện các giải pháp hữu hiệu để chuyển đổi mô hình sản xuất cho phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, đảm bảo đời sống cho người nông dân.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; tập trung chỉ đạo xây dựng thị trấn đảm bảo an toàn thực phẩm trình Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định công nhận theo quy định. Chủ động phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đẩy nhanh tiến độ các dự án về đê điều và xử lý ngập úng trong đô thị.

2. Về văn hóa - xã hội

a) Giáo dục - đào tạo: Tổ chức thực hiện nhiệm vụ đổi mới chương trình giáo dục, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, phương pháp dạy và học; giữ vững và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh chú trọng giáo dục toàn diện. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy và học theo hướng chuẩn hóa và kiên cố hóa trường học.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe: Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia; nâng cao hiệu quả hoạt động chăm sóc, sức khỏe ban đầu cho người dân; tăng cường quản lý, phát triển loại hình khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền, xã hội hóa một số dịch vụ y tế, liên kết các dịch vụ kỹ thuật cao về y tế. Tăng cường công tác giáo dục truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình; công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; chăm sóc người già,...

c) Văn hoá, thể dục thể thao: Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra các hoạt động văn hóa; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, phát triển các loại hình văn hóa. Đẩy mạnh hơn nữa phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh nơi công sở, trong cộng đồng dân cư. Thực hiện các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao có chất lượng, chiều sâu. Cùng với đó, quan tâm đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa - thể dục thể thao; nâng cấp cơ sở vật chất, máy móc, phương tiện hoạt động của hệ thống truyền thanh để đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước đến mọi người dân. Tăng cường đầu tư bảo tồn, phát huy giá trị các di tích văn hoá lịch sử, ưu tiên đầu tư phục hồi, tôn tạo các di tích cấp tỉnh trên địa bàn các thị trấn.

3. Quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển hạ tầng đô thị

3.1. Thị trấn Quý Lộc:

3.1.1. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc:

a) Các khu vực kiến trúc cảnh quan đô thị:

Trung tâm thương mại - dịch vụ tại cửa ngõ phía Đông Nam gắn với tuyến đường nối khu di tích Thành Nhà Hồ với khu di tích Lam Kinh.

Trung tâm hành chính và các cơ quan trên cơ sở cải tạo khu trung tâm.

Không gian trung tâm đô thị phát triển mới với các công trình: Các cơ quan đô thị, trường học, y tế, văn hóa - thể dục thể thao, thương mại - dịch vụ và dân cư phát triển mới.

Điểm sản xuất tiêu thụ công nghiệp phía Tây Bắc kết hợp khu thương mại - dịch vụ bám trục đường nối 2 tỉnh lộ 518 với 518 B.

Các cửa ngõ đô thị: Cửa ngõ phía Tây Bắc từ đường tỉnh 518B vào; Cửa ngõ phía Tây từ đường tỉnh 518 vào. Cửa Ngõ phía Đông Nam tại điểm giao giữa đường trục trung tâm với đường tỉnh 518B (tuyến đê sông Mã).

Vùng cảnh quan sinh thái chính của đô thị là khu vực ven sông Mã và khu công viên văn hóa - tâm linh gắn với cảnh quan tự nhiên khu vực phía Tây được cải tạo thành các khu vui chơi, công viên cây xanh đô thị.

b) Kiến trúc công trình trụ sở cơ quan:

Các công trình trụ sở cơ quan đã xây dựng của xã Quý Lộc cần được chỉnh trang, cải tạo theo hướng khuyến khích hợp khối liên cơ quan, nâng tầng tạo bộ mặt kiến trúc công trình bề thế, hiện đại, tiết kiệm đất, dành đất cho xây dựng các khu chức năng khác theo nhu cầu phát triển của đô thị như: trụ sở cơ quan hành chính - kinh tế, dịch vụ, vườn hoa, cây xanh, sân thể dục thể thao...

Các công trình trụ sở cơ quan dự kiến xây dựng mới trên trục trung tâm, hình thức kiến trúc phong phú và hài hoà với không gian chung, phù hợp với yêu cầu hoạt động đa dạng của cộng đồng dân cư. Một số công trình như nhà văn hoá, câu lạc bộ thể thao, công trình thương mại dịch vụ... không những phải thoả mãn nhu cầu sinh hoạt ngày càng cao của nhân dân mà còn phải thể hiện sắc thái tiêu biểu của địa phương.

c) Kiến trúc nhà ở:

- Nhà ở hiện trạng cải tạo: Kế thừa các khu dân cư hiện có, nâng cấp cải tạo chỉnh trang hình thức kiến trúc, đảm bảo về tầng cao công trình, không gian kiến trúc phong phú đa dạng, song phải đảm bảo tuân thủ quy định về chi giới xây dựng, đường đỏ, vật liệu hoàn thiện, màu sắc và quy định về mỹ quan của kiến trúc đường phố. Các công trình dân cư hiện trạng tại các tuyến phố chính cần chỉnh trang để đạt được yêu cầu mỹ quan đô thị.

- Nhà ở xây mới: Khai thác mô hình kiến trúc nhà ở liền kề, tầng cao 2- 3 tầng. Hình thức kiến trúc hiện đại gắn với cây xanh, mặt nước, cảnh quan tự nhiên, tổ chức thành các khu nhà ở chất lượng cao.

d) Kiến trúc công trình công nghiệp:

Các công trình công nghiệp xây dựng trong đô thị ngoài việc phải đảm bảo các tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường đô thị tạo được hình thức kiến trúc đơn giản, hài hoà với không gian kiến trúc dân dụng đô thị.

3.1.2. Các công trình giao thông hạ tầng kỹ thuật chủ yếu:

a) Giao thông vận tải :

- Đường tỉnh 518: Đoạn qua đô thị Quý Lộc nâng cấp quy mô mặt cắt theo tiêu chuẩn đường đô thị với quy mô dự kiến như sau: lòng đường: 15,00 m, hè 8,00 m x 2, lộ giới: 31,00 m.

- Đường tỉnh 518B: Điểm đầu tư Cẩm Sơn và điểm cuối tại Kiều. Tuyến dài 27 km, Bn= 6,5 m, Bm= 3,5 m, hiện tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp VI, đã được láng nhựa. Tuyến đường này nâng cấp theo tiêu chuẩn đường đô thị với các quy mô mặt cắt cụ thể như sau:

+ Đoạn từ đê Quý Lộc tới khu dân cư hiện trạng: nâng cấp theo mặt cắt A - A với quy mô như sau: mặt đường: 10,50 m; hè đường: 5,00 m x 2; lộ giới: 20,50 m.

+ Đoạn qua các khu dân cư hiện trạng: mở rộng, cải tạo theo mặt cắt 2-2 cụ thể như sau: mặt đường: 5,50 m, hè đường: 1,50 m x 2, lộ giới: 8,50 m.

- Tuyến đường Lê Đình Chinh: Hiện nay đoạn tuyến được xây dựng mặt đường BTXM tương đối hoàn chỉnh. Lộ giới quản lý 15,5 m (đã bao gồm tuyến mương thoát nước phía Đông Bắc). Nâng cấp cải tạo tuyến đường này đạt tiêu chuẩn đường đô thị với quy mô 2 làn xe theo mặt cắt 1-1 cụ thể như sau: mặt đường: 7,50 m, hè đường: 4,50 m x 2, lộ giới: 16,50 m.

- Đoạn tuyến từ đường Lê Đình Chinh tới đường tỉnh 518 hiện nay được quản lý với lộ giới từ 12,00 m đến 24,00 m; dự kiến mở rộng theo mặt cắt A - A cụ thể như sau: mặt đường: 10,5 m, hè đường: 2 x 5,00 m, lộ giới: 20,50 m.

- Tuyến đường Lam Kinh - Thành Nhà Hồ : Xây dựng tuyến đường này với quy mô lộ giới 50m cụ thể như sau: lòng đường: 15.00mx2, hè đường: 8.00mx2, phân cách giữa: 4.00m, lộ giới: 50.00m.

- Đối với các tuyến đường qua các khu dân cư hiện hữu: Trên cơ sở một số tuyến đường bê tông và đường nhựa có sẵn, nâng cấp, mặt đường với bề rộng tối thiểu 5,50 m, mặt hè 1,5 m (theo mặt cắt 2-2) đủ bố trí các công trình kỹ thuật. Các tuyến đường khác tuân thủ tiêu chuẩn mặt cắt đường đô thị loại V.

- Đối với khu vực xây dựng mới: Các tuyến đường được xây dựng mới đảm bảo tiêu chuẩn đường đô thị, bề rộng mặt đường từ 7,50 m đến 10,50 m; bề rộng hè đường từ 4,0 m đến 5,0 m mỗi phía; riêng tuyến đường trục chính theo

hướng Bắc Nam, các đoạn đi qua các khu chức năng công cộng, khu thể thao, thương mại... được thiết kế với dạng đường đôi.

- Đoạn kết hợp đê sông Mã với đường đô thị được thiết kế mái đê phía sông $m=2$, phía đồng $m=3$, bố trí đường dân sinh học chân đê với mặt đường rộng 7,5 m, mặt đê rộng 7,50 m, hè đường phía dân cư 5,00 m. Đảm bảo giao thông mặt đê với giao thông đô thị.

b) Cấp nước:

Đầu tư xây dựng mới trạm cấp nước công suất 3.000 m³/ngđ, trạm đặt tại núi Đồn Trang, giáp với Đền. Nguồn nước sử dụng: Là nước từ kênh Bắc hồ chứa nước Cửa Đạt dẫn về qua kênh tưới phía Tây Bắc đường Lê Đình Chinh. Xây dựng trạm bơm cấp 1 dẫn nước từ kênh dẫn vào nhà máy xử lý nước sạch.

Mạng đường ống cấp nước thị trấn Quý Lộc được thiết kế mạng vòng kết hợp mạng cụt và mạng vòng. Thiết kế mạng vòng với các tuyến ống cấp I, II và mạng cụt với các tuyến ống tiêu thụ đến đối tượng dùng nước. Các tuyến ống cấp I, II dùng ống đường kính D100-250 mm, là ống HDPE kết hợp ống gang.

c) Thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

Trong giai đoạn đầu đến năm 2025 nước thải sinh hoạt và nước mưa được thiết kế đi chung một hệ thống, sau năm 2025 sẽ được tách riêng nên trong thiết kế hệ thống thoát có tính đến việc dành đất và giải pháp kỹ thuật để khi đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước thải đô thị sẽ thuận tiện. Với khu vực sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp hệ thống thoát nước thải được tách riêng và xử lý triệt để đảm bảo tiêu chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Giai đoạn trước mắt rác thải được xử lý bằng hình thức chôn lấp hoặc đốt. Về lâu dài khi khu xử lý rác thải rắn của huyện Yên Định bố trí tại khu vực thuộc xã Yên Lâm, rác thải của đô thị Quý Lộc sẽ được chuyển đến để xử lý theo công nghệ thân thiện với môi trường gần.

d) Cấp năng lượng, cấp điện và chiếu sáng công cộng:

- Nâng cấp cải tạo 09 trạm biến áp hiện có với tổng công suất là 2.320 KVA. Đầu tư lắp đặt thêm 09 trạm mới với tổng công suất là 3.480 KVA, các trạm có công suất từ 100 – 400 KVA cụ thể gồm: 06 trạm biến áp công suất 400 KVA; 3 trạm biến áp công suất 320 KVA; với tổng công suất 3.480 KVA.

- Trạm biến áp lựa chọn là loại treo trên cột và trạm dạng tủ tiêu chuẩn, vị trí đặt trạm thuận lợi cho việc khai thác quản lý, thường ở khu đất công cộng, cây xanh hay các góc phố.

- Đầu tư hệ thống đèn chiếu sáng dọc các tuyến đường trong đô thị, với mặt cắt đường có lòng đường nhỏ hơn 10,5 m bố trí đèn một bên đường, dùng bóng đèn Natri 250W. Hệ thống đóng cắt tự động.

e) Thông tin liên lạc:

Phát triển hệ thống dây dẫn chạy dọc theo các tuyến giao thông quy hoạch, nâng công suất tổng đài để mở rộng mạng điện thoại trong khu vực đô thị và các xã lân cận, vì đây là nhu cầu thực tế và tất yếu cho một đô thị đang dần phát triển. Hiện mạng lưới điện thoại đã phủ kín trên địa bàn xã Quý Lộc, mạng di động hiện là chủ yếu và đã phổ biến trên toàn xã.

3.2. Thị trấn Yên Lâm:

3.2.1. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc:

a) Các khu vực kiến trúc cảnh quan đô thị:

- Cửa ngõ phía Tây Bắc: Ngã ba cây xăng Bình Minh thôn Cao Khánh;

- Cửa ngõ phía Đông Nam: Ngã tư đi Quý Lộc.

- Các khu vực cửa ngõ ra vào đô thị thiết kế hiện đại, biểu tượng đặc trưng gây ấn tượng, chào đón thân thiện. Tại vị trí các đường trục chính mở xuyên qua từ các đường đối ngoại là các không gian trọng điểm, lấy các tuyến đường chính và các khu làm trung tâm bố cục cho các thành phần chức năng.

- Các điểm nhấn không gian: Các khu chức năng được xây dựng thành cụm công trình, tạo bộ mặt khang trang cho đô thị, tránh xây dựng đơn lẻ, hình thức kiến trúc phong phú, tăng cường trồng cây xanh trong các cụm công trình để hài hoà với cảnh quan và môi trường thiên nhiên. Các khu chức năng có công trình có khối tích lớn như trung tâm hành chính, trung tâm văn hóa – thể dục thể thao, các trung tâm thương mại... phải có sự chuyển tiếp với các khu xây dựng thấp tầng mật độ thấp.

b) Kiến trúc công trình trụ sở cơ quan:

Các công trình hiện trạng, cải tạo: chỉnh trang, cải tạo, nâng tầng (từ 2 tầng trở lên) để tạo bộ mặt kiến trúc công trình bề thế, hiện đại và tiết kiệm đất, dành đất cho xây dựng các khu chức năng khác theo nhu cầu phát triển của đô thị như: các trụ sở cơ quan hành chính, kinh tế, dịch vụ, vườn hoa, cây xanh, sân thể dục, thể thao... Các công trình xây dựng mới có tầng cao tối thiểu 2 tầng, hình thức kiến trúc phong phú, hài hoà với không gian chung, phù hợp với bản sắc văn hoá địa phương. Các hoạt động đa dạng của cộng đồng.

c) Kiến trúc nhà ở:

Nhà ở dân cư mới dọc 2 bên đường trục trung tâm đô thị và các tuyến đường chính có hình thức kiến trúc đẹp, hiện đại, tầng cao tối thiểu 3 tầng, tối đa 5 tầng, đảm bảo tuân thủ quy định về chỉ giới xây dựng, đường đỏ, thống nhất về chiều cao tầng, vật liệu hoàn thiện, màu sắc và quy định về mỹ quan của kiến trúc đường phố. Các khu dân cư làng xóm hiện tại từng bước cải tạo chỉnh trang theo hình thái kiến trúc của đô thị.

d) Kiến trúc công trình công nghiệp:

Các công trình công nghiệp xây dựng trong đô thị ngoài việc phải đảm bảo các tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường đô thị, tạo được hình thức kiến trúc đơn giản, hài hoà với không gian kiến trúc dân dụng đô thị.

3.2.2. Các công trình giao thông hạ tầng kỹ thuật chủ yếu:

a) Giao thông vận tải:

- Đường giao thông đối ngoại:

+ Tuyến đường Minh Sơn - Thành Minh (tuyến đường T-04), được thiết kế với lộ giới 26,0 m (Mặt cắt 1-1); đoạn qua trung tâm đô thị được thiết kế đường đôi (Mặt cắt 2-2): Mặt cắt 1-1: Mặt đường $2 \times 7,50 \text{ m} = 15,0 \text{ m}$; vỉa hè $2 \times 5,5 \text{ m} = 11,0 \text{ m}$; khoảng lùi 3,0 m. Mặt cắt 2-2: Mặt đường: $2 \times 7,50 \text{ m} = 15,0 \text{ m}$; vỉa hè $2 \times 4,0 \text{ m} = 8,0 \text{ m}$; giải phân cách 3,0 m; khoảng lùi tối thiểu 3,0 m;

+ Đường tỉnh 518 (tuyến đường T-13), được thiết kế với lộ giới 26,0 m (Mặt cắt 1-1); đoạn qua trung tâm đô thị được thiết kế đường đôi (Mặt cắt 2-2);

+ Tuyến đường T-08, nối từ đô thị Quý Lộc đi đô thị Thống nhất, được thiết kế với lộ giới 26,0 m (Mặt cắt 1-1);

+ Tuyến đường T-12, tuyến đường phía Nam đô thị nối từ khu vực Cụm công nghiệp đến đường Tỉnh 518, được thiết kế với lộ giới 26,0 m (Mặt cắt 1-1);

+ Tuyến đường T-14, được thiết kế với lộ giới 26,0 m (Mặt cắt 1-1).

- Giao thông đô thị:

+ Tuyến đường T-02, tuyến đường nối từ khu vực hồ Công An đi Cụm công nghiệp và đi Minh Sơn, được thiết kế với lộ giới 26,0 m (Mặt cắt 1-1);

+ Tuyến đường T-15, kết nối khu vực phía Bắc (thôn Cao Khánh) và khu vực phía Nam đô thị (thôn Đông Sơn), được thiết kế với lộ giới 17,5 m (Mặt cắt 4-4) và lộ giới 13,5 m (Mặt cắt 5-5);

+ Tuyến đường T-21, tuyến đường phía Đông đô thị nối từ khu vực hồ Thăng Long đến đường đi Quý Lộc, thiết kế với lộ giới 26,0 m (Mặt cắt 1-1).

- Đường chính khu vực:

+ Tuyến đường T-16, kết nối khu vực phía Bắc (thôn cao Khánh) và khu vực phía Nam đô thị (thôn Đông Sơn), thiết kế với lộ giới 13,5 m (Mặt cắt 5-5);

+ Tuyến đường T-20, kết nối từ đường Minh Sơn - Thành Minh đến đường đi Quý Lộc, được thiết kế với lộ giới 13,5 m (Mặt cắt 5-5);

+ Tuyến đường T-06, kết nối từ thôn Đông Sơn sang thôn Diệu Sơn, được thiết kế với lộ giới 26,0 m (Mặt cắt 1-1);

+ Tuyến đường T-07, đi song song với tuyến đường T-06, kết nối từ thôn Quan Trì sang thôn Diệu Sơn, được thiết kế với lộ giới 13,5 m (Mặt cắt 5-5);

+ Tuyến đường T-09, tuyến đường đi qua khu Nghĩa Trang, kết nối từ đường Minh Sơn - Thành Minh đến đường đi Quý Lộc (Tuyến T-08), được thiết kế với lộ giới 13,5 m (Mặt cắt 5-5);

- Đường khu vực kết nối các đường phố chính, phân chia khung đô thị ra từng lô phát triển với nhau, được thiết kế các mặt cắt 3-3; 5-5. Tuyến đường đề hồ Thăng Long được thiết kế lộ giới 11,5 m (Mặt cắt 6-6: Mặt đường 2 x 2,75 m = 5,50 m; Bề rộng lề đường và ta luy 2x3,0 m = 6,0 m)

b) Cấp nước:

Xây dựng hệ thống cấp nước tập trung cho toàn đô thị. Nguồn nước sạch cấp cho đô thị từ nhà máy nước Cẩm Vân. Đầu nối tại vị trí phía Tây Bắc dọc theo đường tỉnh 518 giáp ranh giới xã Cẩm Tâm.

Mạng lưới đường ống cấp nước: Các tuyến ống cấp I, II dùng ống nhựa uPVC, HDPE kết hợp ống thép tráng kẽm, các tuyến ống tiêu thụ dùng ống thép tráng kẽm hoặc ống nhựa HDPE. Trên cơ sở mạng lưới đường ống đã có phát triển mở rộng thêm đáp ứng nhu cầu sử dụng của các đối tượng dùng nước. Độ sâu chôn ống tối thiểu 0,7 m, đường ống được chôn trong hành lang kỹ thuật của các tuyến đường đô thị. Họng cứu hỏa được bố trí trên đường ống > Ø100 mm và vị trí đặt ở các ngã ba, ngã tư thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy. Đường kính ống từ Ø50 - Ø200mm.

c) Thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống thoát nước thải:

Nước thải của khu công nghiệp phải được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn mới được thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Hệ thống thoát nước được phân làm 4 lưu vực chính, bố trí 4 trạm xử lý nước thải tại 4 lưu vực để đảm bảo xử lý nước thải cho đô thị; cụ thể:

+ Lưu vực 1: Khu vực hồ Thăng Long, bố trí trạm xử lý nước thải 01, công suất: 200 m³/ng.đ, ở phía Đông bắc của đô thị (giáp với tuyến đường Minh Sơn - Thành Minh);

+ Lưu vực 2: Khu vực phía Bắc Kênh Bắc và phía Nam hồ Thăng Long, bố trí trạm xử lý nước thải 02, công suất: 300 m³/ng.đ, ở phía Bắc của kênh Bắc (thuộc thôn Hành Chính);

+ Lưu vực 3: Khu vực phía Bắc Kênh Bắc và phía Nam đường Minh Sơn - Thành Minh, bố trí trạm xử lý nước thải 03, công suất: 400m³/ng.đ, ở phía Đông của đô thị (giáp với tuyến đường đi Quý Lộc);

+ Lưu vực 4: Khu vực phía Nam Kênh Bắc và cụm Công nghiệp, bố trí trạm xử lý nước thải 04, công suất: 900m³/ng.đ, ở phía Nam của đô thị (giáp với tuyến đường đi Thống Nhất).

- Vệ sinh môi trường:

Chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình và các khu công cộng được thu gom vào các thùng rác công cộng đặt dọc theo các tuyến đường giao thông hoặc trong các khu vực công cộng. Xe chuyên dụng chạy theo lịch trình và thu gom, vận chuyển đến trạm trung chuyển. Đô thị có 2 trạm trung chuyển rác, trạm phía Bắc đặt tại thôn Cao Khánh (phía tây đường Tỉnh 518) diện tích khoảng 1,2 ha; trạm phía Nam đặt tại thôn Phong Mỹ 2 (giáp với tuyến đường T-12 nối từ cụm công nghiệp đến đường Tỉnh 518) diện tích khoảng 1,27 ha; sau đó rác thải sẽ được vận chuyển đến trạm xử lý rác tại xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy (tuân thủ định hướng quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025).

Chất thải rắn công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp - làng nghề cần được xử lý trong khu vực nhà máy đảm bảo tiêu chuẩn quy định trước khi đưa vào hệ thống xử lý rác thải chung.

- Nghĩa trang: Từng bước đóng cửa, không cho chôn cất mới tại các nghĩa địa phân tán, nhỏ lẻ trong khu vực xã, tập trung quy hoạch, mở rộng 1 khu nghĩa trang lớn cho đô thị nằm phía Đông Bắc núi Lũ Mía (hiện nay đã có), đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị phát triển bền vững, với diện tích 7,0 ha.

d) Cấp năng lượng, cấp điện và chiếu sáng công cộng:

Phát huy các công trình đã đầu tư và đang hoạt động tốt, di dời các trạm điện, tuyến điện từ 0,4 KV- 35 KV trong đô thị tại các vị trí không thuận lợi cho đầu tư xây dựng, mất mỹ quan đô thị, không an toàn trong cấp điện và hiệu quả trong khai thác sử dụng quỹ đất. Lưới điện 22/35 KV: cấp điện cho các trạm biến áp tiêu thụ dùng cáp bọc tiêu chuẩn, dây dẫn được treo trên các cột ly tâm chạy dọc theo các tuyến giao thông chính của đô thị. Một số đoạn của đường

điện 35 KV đã được xây dựng có thể được chính tuyến theo quy hoạch nếu ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và nâng cao khả năng sử dụng đất.

Đường điện chiếu sáng ở các tuyến phố chính, vườn hoa công viên đường điện được bố trí đi ngầm dưới đất trong các mương dẫn kỹ thuật. Các tuyến đường ngang dùng cột điện liền cần chiếu sáng đô thị.

Các tuyến đường có mặt cắt ngang lòng đường từ 10,5 m trở lên hoặc các đường có phân cách giữa, đèn đường đặt ở hai bên hè đường hoặc ở giữa giải phân cách, dùng đèn Natri cao áp 250W, còn tại các tuyến đường lòng đường nhỏ hơn 10,5m, đèn đường đặt 1 bên đường, dùng đèn cao áp thủy ngân 125W hoặc 250W. Đóng cắt hệ thống chiếu sáng giao thông nhờ các tủ điều khiển chiếu sáng tự động đóng cắt theo thời gian để tiết kiệm điện.

e) Thông tin liên lạc:

Phát triển hệ thống dây dẫn chạy dọc theo các tuyến giao thông quy hoạch, nâng công suất tổng đài để mở rộng mạng điện thoại trong khu vực đô thị và các xã lân cận, vì đây là nhu cầu thực tế và tất yếu cho một đô thị đang dần phát triển. Hiện mạng lưới điện thoại đã phủ kín trên địa bàn xã Yên Lâm, mạng di động hiện là chủ yếu và đã phổ biến trên toàn xã.

4. Tài nguyên - môi trường

Hoàn thành việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các hộ dân trên địa bàn; tăng cường quản lý tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước và khoáng sản; nâng cao năng lực trong công tác lập và quản lý quy hoạch trên địa bàn, phân bổ hợp lý quỹ đất theo chỉ tiêu, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về bảo vệ môi trường. Tổ chức tốt việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế và chất thải nguy hại theo mục tiêu đề ra. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành của pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cơ sở chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm; ngăn chặn kịp thời các nguồn gây ô nhiễm môi trường và xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền quy định. Quản lý chặt chẽ việc khai thác tài nguyên, khoáng sản.

5. Quốc phòng, an ninh

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Xây dựng và nâng cao chất lượng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên. Tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm, hạn chế và giảm thiểu các tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông. Đẩy mạnh cải cách tư pháp, giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của nhân dân và các vấn đề phức tạp khác nảy sinh.

6. Nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy Đảng, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quản lý hành chính để xây dựng, phát triển thành phố nhanh, bền vững; đẩy mạnh việc phát huy dân chủ trong quá trình phát triển đô thị.

Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh và không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; tập trung đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thị trấn có trình độ và năng lực, nhất là năng lực thực tiễn; đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu nhằm đảm nhận các chức danh lãnh đạo, quản lý.

IV. VỀ SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 KHÓA XII

1. Sắp xếp tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

1.1. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức thị trấn:

Đại biểu HĐND xã thành đại-biểu HĐND thị trấn và hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2016 - 2021. Huyện và thị trấn mở các lớp bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của HĐND thị trấn, các chuyên đề về đô thị, xây dựng để phát huy tốt hơn nữa vai trò giám sát của HĐND và đại biểu HĐND.

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của các thị trấn mới thành lập cơ bản giữ nguyên bộ máy và cán bộ, công chức của các xã hiện tại. Huyện sẽ sắp xếp, bố trí lại một số chức danh tại thị trấn cho phù hợp với chức năng đơn vị hành chính đô thị. Trong quá trình kiện toàn bộ máy, sẽ xây dựng và bố trí đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực và phẩm chất theo hướng tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho các cán bộ, công chức thị trấn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền đô thị; riêng các Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và công chức địa chính - xây dựng của thị trấn sẽ bồi dưỡng thêm các nội dung chuyên sâu về quản lý, thực hiện quy hoạch đô thị, quản lý dân cư. Đồng

thời, thực hiện việc bố trí, sắp xếp, tinh giản, đảm bảo số lượng theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

1.2. Viên chức đơn vị sự nghiệp:

Tổ chức các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trạm y tế ở thị trấn thực hiện trên cơ sở nguyên trạng tổ chức hiện nay của các đơn vị.

Số lượng viên chức các trường học, trạm y tế trên địa bàn thị trấn thực hiện trên cơ sở nguyên trạng số lượng viên chức hiện nay của các đơn vị.

1.3. Số lượng người hoạt động không chuyên trách và chủ tịch hội:

Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thị trấn, ở tổ dân phố bố trí theo quy định tại Nghị quyết số 232/2019/NQ-HNND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh; các tổ chức hội bố trí theo quy định điều lệ tổ chức; thực hiện việc kiêm nhiệm giữa người hoạt động không chuyên trách cấp xã và chủ tịch hội để giảm số lượng người hưởng phụ cấp từ ngân sách.

1.4. Tổ chức thôn, tổ dân phố:

Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập thị trấn, UBND huyện trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chuyển các thôn hiện nay thành các tổ dân phố theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ.

2. Phương án tổ chức Công an thị trấn

Dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế Công an thị trấn như sau:

- Cơ cấu chỉ huy: 01 Trưởng Công an thị trấn và 02 Phó Công an thị trấn.

- Tổ chức bộ máy gồm: 03 Tổ (Tổ Cảnh sát khu vực, Tổ Cảnh sát hình sự, Tổ Cảnh sát trật tự).

- Biên chế: 15 cán bộ, chiến sĩ.

- Trụ sở làm việc: Tạm thời sử dụng các phòng làm việc của Công an xã hiện nay; bố trí thêm phòng làm việc tại khu Công sở xã.

Trong thời tới, Công an tỉnh sẽ triển khai lập dự án đầu tư trụ sở Công an thị trấn sau khi quy hoạch đất đai.

3. Giải pháp chuyển đổi một số giấy tờ cơ bản của công dân

Đối chiếu các quy định của pháp luật có liên quan đến việc quy định các giấy tờ của công dân như trên chỉ có sổ hộ khẩu cần phải điều chỉnh khi thay đổi

địa giới đơn vị hành chính theo Điều 12 Thông tư 35/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 của Bộ Công an. Cụ thể: Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thay đổi địa giới hành chính, đơn vị hành chính, đường phố, số nhà thì cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm thông báo để công dân đến làm thủ tục điều chỉnh trong sổ hộ khẩu. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có thông báo của cơ quan đăng ký cư trú, công dân có trách nhiệm đến để làm thủ tục điều chỉnh trong sổ hộ khẩu.

Để tạo điều kiện cho người dân thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan, sau khi thành lập, UBND thị trấn (đơn vị hành chính mới) phối hợp với cơ quan công an và đơn vị có liên quan lập kế hoạch tiến hành thực hiện chuyển đổi giấy tờ cho người dân; phân công người phụ trách địa bàn, lịch làm việc với công dân theo từng thôn, tổ dân phố; trong đó ưu tiên thực hiện đối với những trường hợp người dân có nhu cầu chuyển đổi ngay, cấp bách. Đối với các loại giấy tờ còn lại, UBND thị trấn có thông báo, hướng dẫn để người dân nếu có nhu cầu chuyển đổi đến làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Phần thứ năm

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa đã có những tác động nhiều mặt đến xã Quý Lộc và xã Yên Lâm, làm cho việc tổ chức, quản lý, điều hành của chính quyền theo mô hình xã như hiện nay không còn phù hợp, cần thiết phải tổ chức chính quyền đô thị để đáp ứng yêu cầu phát triển. Thành lập thị trấn Quý Lộc và thị trấn Yên Lâm sẽ tạo điều kiện khai thác tốt hơn tiềm năng các địa phương; sắp xếp hợp lý nguồn lao động; tạo ra động lực mới cho sự phát triển; đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước; góp phần vào việc nâng cao tỷ lệ đô thị hóa của huyện Yên Định nói riêng và tỉnh Thanh Hóa nói chung./.

UBND TỈNH THANH HÓA

Phụ lục 1: BẢNG TỔNG HỢP

Tiêu chuẩn đơn vị hành chính khi thành lập thị trấn Quý Lộc thuộc huyện Yên Định theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

TT	Tiêu chuẩn	Quy định tại Nghị quyết số 1211	Kết quả đạt được	Đánh giá	Ghi chú
1	Quy mô dân số (người)	8.000	15.008	Đạt	
2	Diện tích tự nhiên (km ²)	14	13,56	Đạt	
3	Được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V	Loại IV, V	Đã được công nhận	Đạt	Quyết định số 4656/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh
4	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế				
-	Thu chi ngân sách	Cân đối	Tự cân đối	Đạt	
-	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Bằng hoặc thấp hơn trung bình của huyện	3,04%	Đạt	Trung bình của huyện 3,53%
-	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%)	Từ 65% trở lên	68%	Đạt	

Phụ lục 2: BẢNG TỔNG HỢP

Tiêu chuẩn đơn vị hành chính khi thành lập thị trấn Yên Lâm thuộc huyện Yên Định theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

TT	Tiêu chuẩn	Quy định tại Nghị quyết số 1211	Kết quả đạt được	Đánh giá	Ghi chú
1	Quy mô dân số (người)	8.000	8.683	Đạt	
2	Diện tích tự nhiên (km ²)	14	17,25	Đạt	
3	Được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V	Loại IV, V	Đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V	Đạt	Quyết định số 4901/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh
4	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế				
-	Thu chi ngân sách	Cân đối	Tự cân đối	Đạt	
-	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Bằng hoặc thấp hơn trung bình của huyện	3,47%	Đạt	Trung bình của huyện 3,53%
-	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%)	Từ 65% trở lên	81,80%	Đạt	